

Số: 03/TB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước;
 - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN LIÊN**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: **0301401291**

Mã chứng khoán: UNI

Địa chỉ liên lạc: A3.4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)3.6.200.538

Fax: (028)3.6.200.538

Website: www.vienlien.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Vũ Thị Như Mai – Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Ngày 18/03/2022, Chủ tọa Đại hội đã thay mặt Đại hội đồng cổ đông công ty ban hành Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty.
- Thông tin này đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://www.vienlien.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin được công bố.

Tài liệu gửi kèm:

- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.



VŨ THỊ NHƯ MAI
Tổng Giám đốc

Số: 01-2022/BB/ĐHĐCĐ/UNI

TP.HCM, ngày 18 tháng 3 năm 2022

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

-----o0o-----

Tên DN: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN
Mã số DN: 0301401291 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp sửa đổi lần thứ 27 ngày 10/02/2022
Trụ sở DN: A3.4A12 Chung cư The Goldview, 346 Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Viễn Liên

Thời gian: 8 giờ, ngày 18 tháng 03 năm 2022
Địa điểm: Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh



A. PHẦN THỦ TỤC ĐẠI HỘI

I. TUYÊN BỐ LÝ DO

Người dẫn chương trình tuyên bố lý do: Căn cứ Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”).

II. BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Bà Đào Như Ngọc – Trưởng Ban kiểm tra tư cách Cổ Đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ Đông tham dự Đại hội đến thời điểm 8h30 phút:

- Tổng số Cổ Đông trực tiếp tham dự và thông qua người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là 28 người, đại diện cho 10.532.960 cổ phần, chiếm 67,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 chốt ngày 18/02/2022 do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập ngày 22/02/2022).
- Theo quy định tại Điều lệ Công ty, ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp theo hình thức trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Vì vậy Đại hội đã đủ điều kiện tiến hành.

III. GIỚI THIỆU ĐOÀN CHỦ TỊCH

- Bà Vũ Thị Như Mai – Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Đình Dũng – thành viên Hội Đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025

IV. BẦU CHỦ TỌA

Tất cả các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 đều có đơn từ nhiệm, không tham gia Đại hội nên Bà Vũ Thị Như Mai – Tổng Giám đốc Công ty điều hành Đại hội để bầu Chủ tọa của Đại hội trong số các Cổ Đông tham dự.

Đại hội thống nhất bầu Bà Vũ Thị Như Mai làm Chủ tọa Đại hội với tỷ lệ tán thành 100%.

V. CHỦ TỌA CHỈ ĐỊNH THƯ KÝ ĐẠI HỘI GỒM:

- Bà Mai Hà Phương.
- Bà Đinh Thị Diệu.

VI. CHỦ TỌA ĐỀ CỬ THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU VÀ ĐƯỢC ĐẠI HỘI THÔNG QUA VỚI TỶ LỆ TÁN THÀNH 100% gồm các ông/bà sau:

- Bà Đào Như Ngọc – Trưởng Ban.
- Ông Dương Quang Thoại – Thành viên.

VII. CHỦ TỌA ĐỀ NGHỊ THÔNG QUA QUY CHẾ TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN

Quy chế tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, Phụ lục 1 – đính kèm biên bản này, đã được thông qua với tỷ lệ tán thành 100%.

VIII. CHỦ TỌA ĐỀ NGHỊ THÔNG QUA NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI VÀ XEM XÉT ĐƯA VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CÁC KIẾN NGHỊ CỦA CÁC NHÓM CỔ ĐÔNG

1. Chủ tọa trình bày về việc 03 Nhóm Cổ Đông có Văn bản kiến nghị bổ sung chương trình họp đề ngày 04/3/2022 (*Phụ lục 2, 3, 4 – Đính kèm theo Biên bản này*) và lấy ý kiến Đại hội về việc bổ sung các nội dung chương trình họp.
2. Chủ tọa công bố Chương trình Đại hội sau khi bổ sung và Đại hội thông qua chương trình Đại hội này (*Phụ lục 5 – Đính kèm theo Biên bản này*) với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

B. NỘI DUNG CUỘC HỌP

I. THÔNG QUA VIỆC MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, BẦU THAY THẾ THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2022-2027 VÀ QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS

1. Chủ tọa trình bày: (i) về việc miễn nhiệm các thành viên HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ nhiệm kỳ 2020-2025 do các thành viên này có đơn từ nhiệm, đã được sự chấp thuận của HĐQT và bầu thay thế tất cả thành viên HĐQT; và (ii) thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS (*Phụ lục 6 – Đính kèm theo Biên bản này*) với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.
2. Danh sách các ứng cử viên đủ điều kiện được bầu thay thế, bao gồm:
 - Bà Vũ Thị Như Mai.
 - Ông Lê Việt Đức.
 - Bà Phan Hồng Mỹ Phương.
3. Trưởng Ban kiểm phiếu cập nhật kết quả kiểm tra tư cách Cổ Đông trước khi tiến hành bỏ phiếu bầu cử, biểu quyết: Tính đến 9 giờ 00 phút, số Cổ Đông trực tiếp tham dự và thông qua người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là 28 người, đại diện 10.532.960 cổ phần, chiếm tỷ lệ 67,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
4. Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn việc bỏ phiếu miễn nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ nhiệm kỳ 2020 – 2025 và Đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết.
5. Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn việc bầu thay thế thành viên HĐQT và Đại hội tiến hành bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.
6. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu.
7. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu như sau:

7.1 Kết quả kiểm phiếu miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm toán nội bộ nhiệm kỳ 2020-2025:

- Tổng số Phiếu biểu quyết phát ra: 10.532.960 phiếu, đại diện cho 10.532.960 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.
- Tổng số Phiếu biểu quyết thu vào: 10.526.895 phiếu, chiếm 99,94 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội. Trong đó:
 - Số Phiếu biểu quyết hợp lệ: 10.526.175 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.
 - Số Phiếu biểu quyết không hợp lệ: 720 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.
- Kết quả kiểm phiếu miễn nhiệm các thành viên HĐQT và Ban kiểm toán nội bộ của Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

STT	Họ và tên	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1.	Nguyễn Cao Phong – Thành viên HĐQT	10.526.175 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93%	0 Phiếu	0 Phiếu
2.	Phạm Đình Dũng – Thành viên HĐQT	10.526.175 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93%	0 Phiếu	0 Phiếu

3.	Trần Thị Phương Lan – Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	10.526.175 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93%	0 Phiếu	0 Phiếu
----	---	--	---------	---------

- **Kết luận:** Căn cứ vào Điều 21 Điều lệ, Đại hội thống nhất miễn nhiệm toàn bộ thành viên HĐQT và Ban kiểm toán nội bộ nhiệm kỳ 2020-2025 với tỷ lệ tán thành như bảng trên.

7.2 Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

- Tổng số Phiếu bầu cử phát ra: 31.598.880, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.
- Tổng số Phiếu bầu cử thu vào: 31.598.880, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội. Trong đó:
 - Số Phiếu bầu cử hợp lệ: 31.598.322 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,99% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.
 - Số Phiếu bầu cử không hợp lệ: 558 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.
- Kết quả kiểm phiếu bầu các thành viên HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

STT	Họ tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ/tổng số phiếu bầu
1.	Vũ Thị Như Mai	16.600.324	52,5%
2.	Phan Hồng Mỹ Phương	7.494.814	23,7%
3.	Lê Việt Đức	7.503.184	23,73%

- **Kết luận:** Căn cứ vào Điều 21 Điều lệ, Đại hội thống nhất thông qua việc bầu thay thế các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027, bao gồm các Ông (Bà) Vũ Thị Như Mai, Lê Việt Đức, Phan Hồng Mỹ Phương với số phiếu bầu và tỷ lệ như bảng trên.

II. BÁO CÁO VÀ TRÌNH BÀY CÁC VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI

1. Bà Vũ Thị Như Mai – Tổng Giám đốc trình bày tóm tắt Báo cáo tài chính đã kiểm toán.
2. Bà Vũ Thị Như Mai – Tổng Giám đốc trình bày tóm tắt Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2022 và phương án phân chia lợi nhuận năm 2022.
3. Bà Lê Thị Thủy – Đại diện cho Nhóm Cổ Đông có Văn bản kiến nghị đề ngày 04/3/2022 (tổng số cổ phần đại diện của Nhóm Cổ Đông: 2.362.443 cổ phần phổ thông, chiếm tỷ lệ 15,13%), trình bày các vấn đề (i) thay đổi cơ cấu quản trị điều hành Công ty; (ii) lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty năm 2022; (iii) sửa đổi toàn văn Điều lệ (*Phụ lục 7 – Điều lệ đính kèm theo Biên bản này*); (iv) thù lao cho thành viên HĐQT,

Ban kiểm soát năm 2022; (v) thay đổi trụ sở Công ty; (vi) Thông qua các quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS. **(Phụ lục 8, 9, 10 – Đính kèm theo Biên bản này)**

Các nội dung kiến nghị tại mục (i), (ii), (iv), (v) căn cứ theo Văn bản kiến nghị tại Phụ lục 3, 4 đính kèm theo Biên bản này.

4. Bà Vũ Thị Như Mai – Tổng Giám đốc trình bày (i) phương án tăng vốn Điều lệ công ty thông qua hình thức phát hành cổ phần; (iii) thay đổi tên Công ty, website và bộ nhận diện thương hiệu; (iv) thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty **(Phụ lục 4 – Đính kèm theo Biên bản này)**.
5. Bà Vũ Thị Như Mai – trình bày về việc bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027:
 - ❖ Danh sách ứng cử viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027, gồm:
 - Bà Trần Thị Thanh Loan.
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.
 - Bà Vũ Thanh Thủy.

III. TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN

Đoàn Chủ tịch và Đại Hội đã lắng nghe các ý kiến của Cổ Đông và tiến hành thảo luận về các nội dung được trình bày, báo cáo tại Mục II của Biên bản này. Trong đó, Cổ đông tham dự Đại hội – Ông Nguyễn Trí Đức, đã có ý kiến phản ánh tình trạng không minh bạch trong quá trình quản lý của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025, các vấn đề về công nợ của Công ty trong năm 2021 và đề nghị Hội đồng quản trị mới nâng cấp bộ máy quản lý và đảm bảo tính minh bạch trong quá trình hoạt động của Công ty.

Đại hội đã thống nhất các trả lời của Đoàn Chủ tịch và không có ý kiến gì khác.

IV. BIỂU QUYẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

1. Trưởng Ban kiểm phiếu cập nhật kết quả kiểm tra tư cách Cổ Đông và hướng dẫn cách thức bầu cử, biểu quyết:
 - Cập nhật kết quả kiểm tra tư cách Cổ Đông trước khi tiến hành bỏ phiếu bầu cử, biểu quyết đến thời điểm 10giờ 40 phút: Số cổ đông và người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội không thay đổi so với thời điểm khai mạc Đại hội.
 - Hướng dẫn cách thức bầu cử, biểu quyết.
2. Đại hội tiến hành bỏ phiếu.
3. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết các vấn đề xin ý kiến Đại hội tại Mục II:
 - Tổng số Phiếu biểu quyết phát ra: 10.532.960, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.
 - Tổng số Phiếu biểu quyết thu về: 10.532.960, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội, trong đó:
 - Số Phiếu biểu quyết hợp lệ: 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

- Số Phiếu biểu quyết không hợp lệ: 62.500 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

(Kết quả chi tiết được nêu tại các Bảng tổng hợp kết quả của cuộc họp).

4. Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027:

- Tổng số Phiếu bầu cử phát ra: 31.598.880, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.
- Tổng số Phiếu bầu cử thu vào: 31.598.880, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội. Trong đó:
 - Số Phiếu bầu cử hợp lệ: 31.597.977 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,997% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.
 - Số Phiếu bầu cử không hợp lệ: 903 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,003% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.
- Kết quả kiểm phiếu bầu Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2022-2027:

STT	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ/Tổng số phiếu bầu
1.	Trần Thị Thanh Loan	10.518.213	33,287%
2.	Nguyễn Thị Kim Thanh	10.522.632	33,3%
3.	Vũ Thanh Thủy	10.557.132	33,41%

V. CÁC NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA

1. **Phê duyệt miễn nhiệm các thành viên HĐQT và Ban kiểm toán nội bộ Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025, bao gồm các Ông/Bà Nguyễn Cao Phong, Phạm Đình Dũng, Trần Thị Phương Lan.**

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.526.175 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

2. **Thông qua việc bầu thay thế các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027**

STT	Họ tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ/tổng số phiếu bầu
4.	Vũ Thị Như Mai	16.600.324	52,5%
5.	Phan Hồng Mỹ Phương	7.494.814	23,7%
6.	Lê Việt Đức	7.503.184	23,73%

3. **Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty năm 2021. (Phụ lục 11, 12 – Đính kèm Biên bản này)**

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

4. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2022 và Phương án phân chia lợi nhuận của Công ty năm 2022. (Phụ lục 13 – Đính kèm Biên bản này)

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

5. Thông qua phương án tăng vốn Điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu (Phụ lục 2 – Đính kèm theo Biên bản này).

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

Đại hội thống nhất giao và ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện Phương án đã được thông qua (cụ thể các công việc như được nêu chi tiết tại văn bản Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu - **Phụ lục 2 đính kèm biên bản này**) và thực hiện thủ tục hành chính cần thiết để đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Công ty sau khi kết thúc đợt chào bán theo Phương án.

6. Thông qua việc thay đổi cơ cấu quản trị điều hành công ty.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

Theo đó, Cơ cấu quản trị điều hành của Công ty sau thay đổi là: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

7. Thông qua đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

Thông tin đơn vị kiểm toán được Đại hội thống nhất lựa chọn:

- CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
- Mã số thuế: 0305011729
- Địa chỉ 29 Võ Thị sáu, phường ĐaKao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

8. Thông qua thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

Theo đó, Đại hội đã phê duyệt mức thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022 là không vượt quá 2%/lợi nhuận sau thuế và HĐQT quyết định việc phân bổ thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS trong hạn mức được duyệt trên.

9. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Phụ lục 8), Quy chế hoạt động của HĐQT (Phụ lục 9), Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Phụ lục 10).

10/2022
CÔNG TY TNHH
PHÍA NAM
KIỂM TOÁN

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

10. Đại hội bầu mới Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2022-2027, bao gồm:

STT	Họ tên thành viên Ban kiểm soát	Số phiếu bầu	Tỷ lệ/ Tổng số phiếu bầu
1.	Trần Thị Thanh Loan	10.518.213	33,287%
2.	Nguyễn Thị Kim Thanh	10.522.632	33,3%
3.	Vũ Thanh Thủy	10.557.132	33,41%

11. Thông qua thay đổi ngành nghề của Công ty (Phụ lục 14 – Đính kèm Biên bản này)

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội. Danh mục về ngành nghề thay đổi cụ thể được nêu tại Phụ lục 14 đính kèm theo Biên bản này.

12. Thông qua kế hoạch thay đổi trụ sở của Công ty.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

Đại hội đồng cổ đông Công ty thống nhất giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai công việc như sau:

- (i) Tìm kiếm địa điểm, diện tích phù hợp, quyết định các điều khoản thương mại khi thuê văn phòng, ký kết hợp đồng thuê văn phòng và thời điểm chuyển đổi trụ sở chính;
- (ii) Chủ tịch HĐQT thay mặt cho ĐHĐCĐ ký ban hành Nghị quyết riêng của ĐHĐCĐ về việc thay đổi địa chỉ cụ thể sau khi thực hiện hoàn tất các công việc ở Mục (i) nói trên.

Đại hội đồng Cổ Đông Công ty thống nhất giao người đại diện pháp luật thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký thay đổi trụ sở chính tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Thông qua thay đổi tên của Công ty.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

Theo đó, Công ty có tên sau thay đổi như sau:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT**

Tên tiếng Anh: **SAO MAI VIET INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **SAO MAI VIET JSC**

Đại hội đồng cổ đông Công ty thống nhất giao người đại diện pháp luật thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký thay đổi tên công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Thông qua sửa đổi toàn văn Điều lệ Công ty (Phụ lục 7 – Đính kèm theo Biên bản này)
Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.470.460 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tham dự đại hội.

C. THÔNG QUA BIÊN BẢN HỌP VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Biên bản và 14 Phụ lục đính kèm được Đại hội thông qua toàn văn tại cuộc họp với tỷ lệ tán thành là 100%.

Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc lúc 12 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN THƯ KÝ

(Ký tên)



MAI HÀ PHƯƠNG



ĐINH THỊ DIỆU



VŨ THỊ NHƯ MAI



CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM BIÊN BẢN

Phụ lục 1.	Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Phụ lục 2.	Văn bản kiến nghị của Nhóm Cổ Đông gồm: Vũ Thị Như Mai, Nguyễn Văn Thích, Vũ Duy Bé đề ngày 04/3/2022; và Phương án tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phần.
Phụ lục 3.	Văn bản kiến nghị của Nhóm Cổ Đông gồm: Lê Thị Thủy, Mai Hà Phương, Vũ Thị Kim Liên đề ngày 04/3/2022
Phụ lục 4.	Văn bản kiến nghị của Nhóm Cổ Đông gồm: Nguyễn Thị Kim Thanh, Vũ Thanh Thủy, Vũ Thanh Thảo, Nguyễn Thị Lệ Thanh đề ngày 04/3/2022
Phụ lục 5.	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Phụ lục 6.	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS
Phụ lục 7.	Điều lệ sửa đổi của Công ty
Phụ lục 8.	Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Phụ lục 9.	Quy chế hoạt động của HĐQT
Phụ lục 10.	Quy chế hoạt động của BKS
Phụ lục 11.	Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty năm 2021
Phụ lục 12.	Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Giám đốc năm 2021
Phụ lục 13.	Kế hoạch kinh doanh và phương án phân chia lợi nhuận năm 2022
Phụ lục 14.	Danh mục về thay đổi ngành nghề của Công ty

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc miễn nhiệm và bầu mới thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Điều lệ Công ty Công ty cổ phần Viễn Liên đã được thông qua ngày 05/12/2020;
- Đơn từ nhiệm của các Ông, Bà Nguyễn Cao Phong, Phạm Đình Dũng, Trần Thị Phương Lan ngày 08/02/2022;
- Biên bản họp 01-2022/BB/ĐHĐCĐ/UNI ngày 18/03/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn Liên ("**Công ty**").

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Miễn nhiệm tất cả thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025, bao gồm:

- Ông Nguyễn Cao Phong – thành viên HĐQT.
- Ông Phạm Đình Dũng – thành viên HĐQT.
- Bà Trần Thị Phương Lan – thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban kiểm toán nội bộ.

Điều 2. Thông qua việc bầu mới các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027, bao gồm:

- Bà: Vũ Thị Như Mai.
- Bà: Phan Hồng Mỹ Phương.
- Ông: Lê Việt Đức.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân, phòng ban có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Công bố thông tin, trang web Công ty;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



VŨ THỊ NHƯ MAI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN LIÊN**

Số: 02-2022/NQ/ĐHĐCĐ/UNI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ngày 30/12/2020;
- Điều lệ Công ty Công ty cổ phần Viễn Liên đã được thông qua ngày 05/12/2020;
- Văn bản kiến nghị của các nhóm cổ đông Công ty ngày 04/03/2022;
- Quy chế cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Biên bản họp số 01-2022/BB/ĐHĐCĐ/UNI ngày 18/03/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn Liên ("**Công ty**");
- Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 như sau:

- 1.1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam kiểm toán.
- 1.2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2022 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.
- 1.3. Thông qua việc thay đổi cơ cấu quản trị điều hành của Công ty. Cơ cấu quản trị điều hành sau khi thay đổi gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- 1.4. Thông qua việc sửa toàn văn Điều lệ Công ty (đính kèm là Điều lệ công ty đã sửa đổi). Theo đó Điều lệ mới của Công ty sẽ có hiệu lực kể từ ngày 18/3/2022 và thay thế cho bản Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua vào ngày 5/12/2020.
- 1.5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022 là:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM
TOÁN PHÍA NAM

Mã số thuế: 0305011729

Địa chỉ 29 Võ Thị sáu, phường ĐaKao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- 1.6. Thông qua thù lao chi phí hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.
- 1.7. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty.
- 1.8. Thông qua việc thay đổi trụ sở chính của Công ty.
- 1.9. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 2. Triển khai thực hiện:

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Ban điều hành và các cá nhân, phòng ban có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua và phê duyệt tại Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công bố thông tin, trang web Công ty;
- Như Điều 2;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



VŨ THỊ NHƯ MAI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN LIÊN**

Số: 03-2022/NQ/ĐHĐCĐ/UNI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc bầu Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Điều lệ Công ty Công ty cổ phần Viễn Liên đã được thông qua;
- Căn cứ vào Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty;
- Biên bản họp 01-2022/BB/ĐHĐCĐ/UNI ngày 18/03/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn Liên, (“Công ty”).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Viễn Liên đã thông qua Nghị quyết với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc bầu mới các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2022

- 2027, bao gồm:

- Bà: Trần Thị Thanh Loan.
- Bà: Nguyễn Thị Kim Thanh.
- Bà: Vũ Thanh Thủy.

Điều 2. Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và các quy định nội bộ khác của công ty kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Ban điều hành và các cá nhân, phòng ban có liên quan

căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Công bố thông tin, trang web Công ty;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



VU THỊ NHƯ MAI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN LIÊN**

Số: 04-2022/NQ/ĐHĐCĐ/UNI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thay đổi tên và bổ sung ngành, nghề kinh doanh

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ngày 30/12/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Viễn Liên đã được thông qua ngày 18/3/2022;
- Biên bản họp 01-2022/BB/ĐHĐCĐ/UNI ngày 18/03/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn Liên ("**Công ty**");
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc thay đổi tên của Công ty như sau:

Tên của Công ty sau thay đổi:

Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT**

Tiếng Anh: **SAO MAI VIET INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK
COMPANY**

Tên viết tắt: **SAO MAI VIET JSC**

Điều 2. Thông qua việc thay đổi ngành nghề của Công ty như sau:

2.1 Xóa bỏ các ngành, nghề ra khỏi danh sách ngành, nghề hoạt động của Công ty như sau:

Ngành Nghề	Mã ngành
Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông	4220
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">- Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten);- Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (trừ tư vấn tài chính, kế toán);- Tư vấn đấu thầu;	7110



<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình viễn thông và tin học; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, bưu chính viễn thông. 	
Lắp đặt hệ thống điện	4321
Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp	4329
Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông; - Đại lý kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông. 	4610
Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán hàng điện lạnh; - Buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành). 	4649
Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán thiết bị đầu cuối viễn thông; - Mua bán cáp, thiết bị viễn thông. 	4652
Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông	9512
Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị điện lạnh	9522
Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: Cung cấp dịch vụ internet (ISP)	6110

2.2 Đăng ký bổ sung các ngành, nghề sau đây:

Ngành nghề	Mã ngành
Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý	7020
Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng	7320
Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội chợ triển lãm, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619

Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	
Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: trừ đấu giá tài sản	6820
Xây dựng nhà để ở	4101
Xây dựng nhà không để ở	4102
Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thi công trang trí nội, ngoại thất	7410
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

Điều 3. Sửa đổi Điều 2.1 về tên của công ty và Điều 4.1 về ngành nghề của công ty trong bản Điều Lệ Công Ty tương ứng với những thay đổi được ghi nhận tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết này.

Điều 4. Triển khai thực hiện

Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật, Tổng Giám đốc Công ty và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Người đại diện pháp luật của Công ty tổ chức và thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký thay đổi thành công các nội dung đã được thông qua tại Nghị Quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công bố thông tin, trang web Công ty;
- Như Điều 4;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



VU THỊ NHƯ MAI

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN LIÊN

Số: 01/2022/ĐHĐCĐ-UNI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

QUY CHẾ TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Viễn Liên (“**Điều lệ**”).

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (“**Đại Hội**” hoặc “**ĐHĐCĐ**”) của Công ty Cổ phần Viễn Liên (“**Công ty**”).
- 1.2 Quy chế này quy định về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo danh sách cổ đông do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD) lập 18/02/2022 để tham dự Đại Hội (“**Cổ Đông**”), người được Cổ Đông ủy quyền dự họp và các bên liên quan đến việc tổ chức Đại Hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội.
- 1.3 Những đối tượng được nêu tại khoản 1.2 Điều này có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông, Người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại Hội

- 2.1 Điều kiện tham dự Đại Hội:

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Người tham dự Đại Hội phải là Cổ Đông hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp lệ bằng văn bản của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập 18/02/2022 để tham dự Đại hội. (“**Người Dự Họp**”)

2.2 Quyền của Người Dự Họp:

- (i) Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội;
- (ii) Có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Viễn Liên, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- (iii) Được Ban Tổ chức Đại Hội thông báo công khai nội dung chương trình Đại Hội;
- (iv) Cổ đông, đại diện được ủy quyền đến dự họp Đại Hội muộn có quyền đăng ký, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại Hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại Hội và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- (v) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.3 Nghĩa vụ của Người Dự Họp:

- (i) Người Dự Họp khi tham dự Đại Hội phải mang theo và xuất trình đầy đủ các tài liệu như dưới đây cho Ban Kiểm tra tư cách Cổ Đông:
 - a) Đối với Cổ Đông là cá nhân:
 - Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân đang còn hiệu lực;
 - Thư mời họp; và
 - Giấy ủy quyền hợp lệ theo đúng mẫu của Công ty (đối với đại diện được ủy quyền).
 - b) Đối với Cổ Đông là tổ chức:
 - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (bản sao có chứng thực hợp lệ);
 - Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân đang còn hiệu lực của người đại diện theo pháp luật;
 - Thư mời họp.
- (*) Trường hợp người đại diện pháp luật của Cổ Đông ủy quyền cho người khác dự họp thì người được ủy quyền phải mang theo:
 - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập của Cổ Đông (bản sao có chứng thực hợp lệ);
 - Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân đang còn hiệu lực của người được ủy quyền;
 - Thư mời họp; và
 - Giấy ủy quyền hợp lệ theo đúng mẫu của Công ty.

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (ii) Đeo thẻ Người Dự Họp trong suốt thời gian diễn ra Đại Hội;
- (iii) Giữ gìn an ninh trật tự và không gây rối loạn hay mất trật tự tại Đại Hội;
- (iv) Việc ghi âm, ghi hình Đại Hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại Hội trước khi thực hiện;
- (v) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại Hội và nghiêm túc tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa;
- (vi) Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc của Đại Hội;
- (vii) Cung cấp thông tin về người có liên quan hay người có lợi ích liên quan đến Cổ Đông theo yêu cầu của Công ty. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách Cổ Đông

- 3.1 Ban Kiểm tra tư cách Cổ Đông gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Ban Tổ chức Đại Hội chỉ định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:
- (i) Kiểm tra tư cách của Người Dự Họp: Yêu cầu Người Dự Họp xuất trình tài liệu theo quy định tại Điều 2.3 (i) của Quy chế này;
 - (ii) Phát Thẻ Người Dự Họp, Thẻ biểu quyết, Thẻ bầu cử và các tài liệu họp liên quan khác cho Người Dự Họp;
 - (iii) Báo cáo trước Đại Hội về kết quả kiểm tra tư cách của Người Dự Họp tại các thời điểm sau:
 - a) Trước khi khai mạc Đại Hội;
 - b) Trước mỗi lần biểu quyết của Đại Hội nếu có sự thay đổi về số Người Dự Họp đăng ký tham dự Đại Hội (Người Dự Họp đến muộn đăng ký dự họp);
 - (iv) Xác định các Cổ Đông không có quyền biểu quyết theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trên cơ sở thông tin mà Ban kiểm tra tư cách Cổ Đông có được hay thông tin do Người Dự Họp cung cấp.
- 3.2 Ban Kiểm tra tư cách Cổ Đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
- 3.3 Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

- 4.1 Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu tại Đại Hội.

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

4.2 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- (i) Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, thẻ thức biểu quyết và thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại Hội biểu quyết;
- (ii) Tính toán và loại trừ các Cổ Đông không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết. Trong trường hợp Ban kiểm phiếu không thể xác định chính xác (các) Cổ Đông không có quyền biểu quyết (do thiếu thông tin hay do quy định của pháp luật chưa đầy đủ hoặc không rõ ràng), thì phiếu của Cổ Đông đó vẫn được tính, nhưng Ban kiểm phiếu phải lập biên bản ghi nhận việc này. Việc (các) Cổ Đông sau khi bỏ phiếu được xác định là Cổ Đông không có quyền biểu quyết không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của nghị quyết mà Cổ Đông đó đã tham gia bỏ phiếu, nếu như nghị quyết đó vẫn có đủ số phiếu cần thiết sau khi loại bỏ số phiếu của Cổ Đông liên quan đó;
- (iii) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại Hội;
- (iv) Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) của Công ty cổ phần Viễn Liên nhiệm kỳ 2022 - 2027;
- (v) Tiến hành phát, thu, kiểm đếm phiếu bầu cử của các cổ đông theo đúng số cổ phần và quyền biểu quyết của từng cổ đông;
- (vi) Tiến hành kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu bầu Thành viên HDQT;
- (vii) Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại Hội về kết quả kiểm phiếu;
- (viii) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại Hội; và
- (ix) Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

4.3 Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.4 Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Hội đồng quản trị và thư ký

5.1 Chủ tịch HDQT làm Chủ tọa Đại Hội.

5.2 Trường hợp Chủ tịch HDQT vắng mặt hoặc đã từ nhiệm vị trí Chủ tịch HDQT hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HDQT còn lại bầu ra một trong số họ làm Chủ tọa Đại Hội.

5.3 Trường hợp tất cả các thành viên HDQT đều có đơn xin từ nhiệm đã nộp về Công ty trước khi khai mạc Đại Hội hoặc không bầu được Chủ tọa thì Đại Hội sẽ tiến hành bầu chủ tọa cuộc họp trong số các cổ đông, mỗi cổ phần phổ thông sẽ có một phiếu bầu và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa Đại Hội.

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 5.4 Chủ tọa cử một hoặc một số Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ. Thư ký cuộc họp có chức năng lập Biên bản Đại Hội, thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa. Thư ký cuộc họp có thể có một hoặc một số người giúp việc.
- 5.5 Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại Hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 5.6 Chủ tọa hoặc Thư ký có thể tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại Hội một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để phản ánh được mong muốn của đa số Người Dự Hội tham dự.
- 5.7 Không cần lấy ý kiến của Đại Hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể ra quyết định trì hoãn Đại Hội đến một thời điểm và địa điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty) nếu nhận thấy rằng:
- (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả Người Dự Hội;
 - (ii) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Người Dự Hội tham gia, thảo luận và biểu quyết một cách chính xác, an toàn;
 - (iii) Có Người Dự Hội hoặc cá nhân khác tham dự Đại Hội có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 5.8 Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của Người Dự Hội nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung Chương trình Đại Hội.
- 5.9 HĐQT có quyền yêu cầu tất cả Người Dự Hội chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp Người Dự Hội không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Người Dự Hội nói trên tham gia Đại Hội.
- 5.10 HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:
- (i) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại Hội;
 - (ii) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - (iii) Tạo điều kiện cho Người Dự Hội tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại Hội;
 - (iv) Cấp giấy ra vào cửa;
 - (v) Biện pháp phù hợp với bối cảnh và yêu cầu thực tế khác.
- HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết.

CHƯƠNG III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6: Điều kiện tiến hành Đại Hội

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 6.1 Đại Hội được tiến hành khi có số Người Dự Họp đại diện cho ít nhất 51% tổng cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số Người Dự Họp cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại Hội thì người triệu tập hủy cuộc họp. Đại Hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại Hội lần thứ nhất. Đại Hội triệu tập lần hai được tiến hành khi có số Người Dự Họp đại diện cho ít nhất 51% tổng cổ phần có quyền biểu quyết.
- 6.2 Trường hợp Đại Hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại Hội các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7: Tiến hành Đại Hội

- 7.1 Cuộc họp Đại Hội dự kiến sẽ diễn ra tối đa không quá 01 ngày và có thể được ghi âm, ghi hình và lưu giữ bằng một hình thức điện tử phù hợp.
- 7.2 Đại Hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung và chương trình đã được Đại Hội thông qua trong phiên khai mạc.
- 7.3 Đại Hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại Hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.
- 7.4 Đại Hội bế mạc sau khi Biên bản Đại Hội được thông qua.

Điều 8: Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ

- 8.1 Các nghị quyết của Đại Hội được thông qua khi được số Người Dự Họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Người Dự Họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.
- 8.2 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Người Dự Họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS. Người Dự Họp có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ của Công ty và phù hợp quy định pháp luật. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau là thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS hoặc Điều lệ của Công ty.

Điều 9: Thẻ biểu quyết

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 9.1 Thẻ biểu quyết phát cho Người Dự Họp có ghi số đăng ký, họ và tên của Người Dự Họp và số phiếu biểu quyết của Người Dự Họp đó.
- 9.2 Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà Người Dự Họp sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền.

Điều 10: Thẻ thức biểu quyết thông qua các Nghị quyết tại Đại Hội

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại Hội tùy trường hợp và theo quyết định của Chủ tọa sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

10.1 Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu:

- (i) Các nội dung biểu quyết được ghi trong Thẻ biểu quyết sẽ được Người Dự Họp biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án “tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” vào từng nội dung cần lấy ý kiến.
- (ii) Người Dự Họp bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:
 - a) Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi Người Dự Họp cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong;
 - b) Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.
- (iii) Các Thẻ biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:
 - a) Thẻ không theo mẫu do Ban Tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty;
 - b) Thẻ bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
 - c) Thẻ không có chữ ký của Người Dự Họp;
 - d) Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu dẫn đến việc Ban kiểm phiếu không xác định được ý kiến của người bỏ phiếu;
 - e) Thẻ có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ.

Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác;

- (iv) Trường hợp Người Dự Họp trong quá trình ghi Thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại Thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho Cổ Đông.

10.2 Biểu quyết theo hình thức trực tiếp:

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Người Dự Hội biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên cao hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách Ban kiểm phiếu sẽ đếm và ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại Hội.

- 10.3 Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông theo trình tự: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Trường hợp Cổ đông không giơ tham gia biểu quyết chọn bất kỳ phương án nào thì coi như tán thành. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ thẻ biểu quyết một lần.
- 10.4 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo Quy chế về bầu cử thành viên HĐQT được thông qua tại Đại Hội.

Điều 11: Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

11.1 Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:

- (i) Ban kiểm phiếu làm việc ở khu vực tách biệt với khu vực diễn ra Đại Hội.
- (ii) Kiểm tra tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết.
- (iii) Kiểm tra lần lượt từng Thẻ biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.
- (iv) Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của Cổ Đông có liên quan (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết).
- (v) Niêm phong toàn bộ Thẻ biểu quyết, bàn giao lại cho Trưởng Ban kiểm phiếu.

11.2 Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- (i) Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu.
- (ii) Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - b) Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - c) Tổng số Người Dự Hội có quyền biểu quyết tham gia dự họp, tổng số phiếu biểu quyết;
 - d) Tổng số Người Dự Hội có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu;
 - e) Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ;
 - f) Số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng vấn đề;
 - g) Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 12: Phát biểu ý kiến tại Đại Hội

Người Dự Hội khi phát biểu ý kiến phải giơ Thẻ biểu quyết hoặc đăng ký phát biểu và chỉ phát biểu khi được sự đồng ý của Chủ tọa. Chủ tọa căn cứ vào thời gian chương trình cuộc họp để bố trí sắp xếp việc phát biểu của những Người Dự Hội. Chủ tọa có thể dành ưu tiên phát biểu cho Người Dự

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Họp đăng ký phát biểu trước và có ý kiến liên quan đến chương trình họp. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại Hội và không phát biểu lại những ý kiến đã được Người Dự Họp khác phát biểu.

Điều 13: Biên bản họp ĐHĐCĐ

- 13.1 Nội dung Đại Hội được lập thành Biên bản. Biên bản được lập bằng Tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký.
- 13.2 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trước Đại Hội và được Đại Hội thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.
- 13.3 Biên bản họp ĐHĐCĐ, Biên bản kiểm tra tư cách Cổ Đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại Hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.
- 13.4 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc và gửi cho tất cả các Cổ Đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ kết thúc.
- 13.5 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (iii) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (iv) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - (v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - (vi) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - (viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

Điều 14: Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ Đông

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 14.1 Căn cứ kết quả tại Đại Hội, Chủ tọa thay mặt ĐHĐCĐ ban hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề đã được Đại Hội thông qua.
- 14.2 Nghị Quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc và gửi cho tất cả các Cổ Đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ kết thúc.
- 14.3 Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Công ty và pháp luật doanh nghiệp.

Điều 15: Hiệu lực thi hành của Quy chế

- 15.1 Quy chế này gồm 03 Chương, 15 Điều, có hiệu lực ngay sau khi được Đại Hội biểu quyết thông qua cho đến khi được sửa đổi theo quy định tại Điều 15.2 dưới đây.
- 15.2. Quy chế này có thể sửa đổi tại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của HĐQT Công ty và phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.
- 15.3 Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại Hội theo Quy chế này. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự họp Đại Hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

(Đã ký)

VŨ THỊ NHƯ MAI

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

VĂN BẢN KIẾN NGHỊ

Về việc bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Viễn Liên

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ vào Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Viễn Liên được thông qua ngày 05/12/2020 (“**Điều lệ**”);
- Căn cứ vào Thư mời và Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Viễn Liên ngày 25/02/2022 (“**Chương trình họp**”);
- Căn cứ vào quyền hạn và yêu cầu của nhóm cổ đông.

Hôm nay, ngày 04 tháng 03 năm 2022, Chúng tôi gồm các cổ đông hiện đang nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Viễn Liên, có thông tin cụ thể như dưới đây:

CỔ ĐÔNG 1

Họ và tên : **Vũ Thị Như Mai**
Số cổ phần đang sở hữu : 3.446.236 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 22,07%
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

CỔ ĐÔNG 2

Họ và tên : **Nguyễn Văn Thích**
Số cổ phần đang sở hữu : 645.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 4,13%
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

CỔ ĐÔNG 3

Họ và tên : **Vũ Duy Bé**
Số cổ phần đang sở hữu : 756.648 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,84%
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Sau khi xem xét các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) được đăng tải trên website Công ty và Thư mời họp đề ngày 23/02/2022. Nhằm thực hiện các quyền hạn của cổ đông, cũng như đóng góp vào sự phát triển, hoạt động kinh doanh trong năm 2022 của công ty

và đảm bảo cuộc họp thường niên của Công ty được diễn ra đúng với quy định tại Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh Nghiệp và Điều 15 Điều lệ Công ty, chúng tôi đại diện cho tổng số 4.847.984 cổ phần phổ thông, chiếm tỷ lệ 31,04% kiến nghị ĐHĐCĐ bổ sung các vấn đề sau đây vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

I. NỘI DUNG KIẾN NGHỊ BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP

1. Kiến nghị công khai thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán là một trong những tài liệu để đánh giá tình hình hoạt động của Công ty và là nội dung cần phải có trong chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tuy nhiên, Chương trình họp hiện nay của Công ty không bao gồm vấn đề thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính này, nên chúng tôi kiến nghị bổ sung vấn đề này vào chương trình họp để ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.
- Báo cáo kết quả kinh doanh là tài liệu để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong một năm tài chính và cũng là tiền đề để Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2022. Do đó, căn cứ vào Điều 15 Điều lệ Công ty, chúng tôi kiến nghị ĐHĐCĐ bổ sung vấn đề này vào chương trình họp ĐHĐCĐ để Đại hội xem xét, thông qua. Đồng thời, đảm bảo việc các cổ đông được thực hiện quyền tiếp cận thông tin về tình hình hoạt động của Công ty.

2. Kiến nghị thông qua Kế hoạch kinh doanh và phương án phân chia lợi nhuận năm 2022

Kế hoạch kinh doanh và phương án phân chia lợi nhuận là tài liệu nhằm công bố và hoạch định đường hướng phát triển kinh doanh của Công ty trong năm 2022. Kế hoạch kinh doanh này là kim chỉ nam cho HĐQT triển khai thực hiện hoạt động kinh doanh trong toàn năm 2022, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của cổ đông trong Công ty. Căn cứ vào khoản 2 Điều 138 Luật Doanh Nghiệp thì vấn đề này thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Do vậy, Chúng tôi kiến nghị bổ sung “Thảo luận và thông qua kế hoạch kinh doanh và phương án phân chia lợi nhuận năm 2022” vào chương trình họp để ĐHĐCĐ xem xét thông qua trước khi triển khai thực hiện, đồng thời, đề nghị Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) và Ban Tổng giám đốc trình Kế hoạch kinh doanh và phương án phân chia lợi nhuận năm 2022 để Đại hội làm cơ sở đánh giá và xem xét thông qua vấn đề này.

3. Kiến nghị việc tăng vốn Điều lệ Công ty

Để có nguồn vốn triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty trong năm 2022, đặc biệt là tập trung phát triển kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, Chúng tôi kiến nghị bổ sung vấn đề “Thảo luận và thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty dưới hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng” vào chương trình họp để ĐHĐCĐ xem xét thông qua. Theo đó, số cổ phiếu dự kiến phát hành là 31.235.264 cổ phiếu, với mệnh

giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng vốn là 468.528.960.000.
(Phương án chi tiết về việc tăng vốn điều lệ này được đính kèm theo Văn bản này)

II. KIẾN NGHỊ

Trên đây là toàn bộ kiến nghị của nhóm cổ đông chúng tôi về việc bổ sung các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ vào chương trình họp của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, căn cứ theo các quy định tại Điều lệ và Luật Doanh Nghiệp. Kính đề nghị HĐQT chấp thuận đưa các kiến nghị này vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.

Kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty diễn ra thành công tốt đẹp!

Trân trọng./.

NHÓM CỔ ĐÔNG KIẾN NGHỊ



VŨ THỊ NHƯ MAI

NGUYỄN VĂN THÍCH

VŨ DUY BÉ

Số: 01/2022/PATV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2022

PHƯƠNG ÁN

V/v: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu
(Tài liệu đính kèm văn bản kiến nghị ngày 4/3/2022 của nhóm Cổ đông gồm Vũ Thị Như Mai,
Nguyễn Văn Thích, Vũ Duy Bé)

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

1. Mục đích tăng vốn điều lệ

Việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viễn Liên (“**Công Ty**”) được thực hiện nhằm mục đích tăng nguồn vốn triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh doanh của Công Ty trong năm 2022, đặc biệt là tập trung phát triển kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản. Theo đó, số cổ phiếu dự kiến phát hành là 31.235.264 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng vốn là 468.528.960.000.

2. Căn cứ pháp lý của kiến nghị

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và huỷ tư cách công ty đại chúng.
- Điều lệ Công ty cổ phần Viễn Liên

3. Phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Viễn Liên
Loại cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.617.632 (mười lăm triệu sáu trăm mười bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu chào bán	Dự kiến 31.235.264 (ba mươi một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi bốn) cổ phiếu
Giá chào bán	Dự kiến 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị (“HDQT”) quyết định giá chào bán phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thực hiện chào bán.
Số tiền thu được từ đợt chào bán	Dự kiến 312.352.640.000 (ba trăm mười hai tỷ ba trăm năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng.
Vốn điều lệ sau khi chào bán	Dự kiến 468.528.960.000 (bốn trăm sáu mươi tám tỷ năm trăm hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng
Tỷ lệ thực hiện quyền mua	1:2 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua sẽ được mua 02 cổ phiếu chào bán thêm)
Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Việc chào bán thêm cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ của Công Ty, tăng quy mô vốn hoạt động của Công Ty để đầu tư phát triển lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Dự kiến số tiền thu được từ việc chào bán sẽ được sử dụng để: <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp hoặc thông qua các đối tác (bao gồm nhưng không giới hạn công ty con, công ty liên kết) để đầu tư phát triển các dự án bất động sản tại Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang. - Tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới trong lĩnh vực bất động sản, mở rộng phát triển quỹ đất của Công Ty tại các tỉnh thành trong cả nước thông qua các giao dịch mua bán/sáp nhập hoặc các hình thức hợp pháp khác để phát triển các dự án bất động sản. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HDQT căn cứ tình hình thực tế tại thời điểm chào bán quyết định việc phân bổ, cân đối phương án cụ thể sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu phù hợp với mục đích nêu trên và phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của Công Ty.
Hình thức chào bán	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Đối tượng chào bán	Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định.
Thời gian dự kiến chào bán	Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tiến hành ngay sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho

	Công Ty
Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phần tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký. ▪ Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại trụ sở chính của Công Ty và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong toả theo thông báo của Công Ty.
Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm	<p>Cổ đông hiện hữu được phân bổ quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần duy nhất (người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu không được chuyển nhượng quyền mua cho người khác).</p> <p>Cổ đông hiện hữu và bên nhận chuyển nhượng quyền mua tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và tự chịu trách nhiệm thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mỗi bên liên quan đến giao dịch chuyển nhượng quyền mua.</p>
Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết	<p>ĐHĐCĐ giao và uỷ quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định việc phân phối số cổ phần mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua cho (các) cổ đông khác của Công Ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện phân phối không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại Hợp đồng bảo lãnh phát hành.</p>
Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có)	<p>Trong trường hợp có phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.</p>
Hạn chế chuyển nhượng	<p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được phân bổ quyền mua cổ phiếu. Số cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Trong trường hợp xử lý chào bán số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết cho nhà đầu tư khác, số cổ phiếu bán cho nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp cổ phiếu được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành.</p>
Chào mua công khai	<p>ĐHĐCĐ đồng ý phê duyệt cho các nhà đầu tư khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết theo phương án</p>

	do HĐQT quyết định khi xử lý cổ phiếu không phân phối hết sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật chứng khoán.
Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công Ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng tỷ lệ dự kiến, Công Ty sẽ có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán là cam kết bảo lãnh phát hành của Tổ chức bảo lãnh phát hành.
Tổ chức bảo lãnh phát hành	Đợt phát hành sẽ được bảo lãnh bởi tổ chức bảo lãnh phát hành đáp ứng được quy định của pháp luật với cam kết mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết.
Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành	Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa cổ phiếu UNI tại ngày giao dịch không hưởng quyền và/hoặc (ii) Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chi số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện đánh giá chi tiết về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công bố trong Bản cáo bạch chào bán chứng khoán.
Lưu ký và niêm yết bổ sung	Lưu ký và niêm yết cổ phiếu mới phát hành thêm (<i>Căn cứ theo kết quả phát hành thực tế cuối cùng</i>) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Thời điểm lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu chính thức sẽ do Chủ tịch HĐQT toàn quyền quyết định.

4. Triển khai thực hiện:

Để triển khai thực hiện công tác phát hành cổ phiếu, đề nghị ĐHĐCĐ phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ, giao và ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện phương án đã phê duyệt, bao gồm các công việc sau đây:

- (i) Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết, đồng thời chủ động điều chỉnh phương án sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo lợi ích của cổ đông và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
- (ii) Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Quyết định giá

- chào bán cổ phiếu phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty tại thời điểm chào bán.
- (iii) Quyết định tất cả các vấn đề chi tiết liên quan đến phương án chào bán thêm cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án phát hành đã được ĐHCĐ thông qua, bao gồm cả việc chủ động điều chỉnh, bổ sung, giải trình tất cả các hồ sơ liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các cơ quan quản lý khác (nếu có) nhằm hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định của Pháp luật.
 - (iv) Quyết định các vấn đề liên quan đến thủ tục phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư theo phương án phát hành đã được thông qua.
 - (v) Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết như nội dung nêu tại Mục 3. Để đảm bảo cho việc chào bán đạt kết quả cao nhất, HĐQT có thể xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho gia hạn thời gian chào bán theo quy định pháp luật liên quan.
 - (vi) Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
 - (vii) Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phiếu, tổ chức bảo lãnh phát hành.
 - (viii) Quyết định và thực hiện các công việc được ĐHCĐ giao cho HĐQT đã nêu tại Mục 3.
 - (ix) Sau khi kết thúc đợt chào bán, thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc cần thiết để thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ Công Ty theo nội dung trên.
 - (x) Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
 - (xi) Quyết định nội dung bộ hồ sơ chào bán cổ phiếu, hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung, hồ sơ niêm yết bổ sung và bất kỳ văn bản, hồ sơ, tài liệu, hợp đồng, thỏa thuận phát sinh từ và liên quan đến việc thực hiện phương án chào bán cổ phiếu của Công Ty. Chủ động quyết định và triển khai các công việc khác phát sinh trong suốt quá trình phát hành để đảm bảo đợt chào bán diễn ra thành công.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt./.

Trân trọng cảm ơn!

NHÓM CỔ ĐÔNG KIẾN NGHỊ



VŨ THỊ NHƯ MAI



NGUYỄN VĂN THÍCH



VŨ DUY BÉ

PHỤ LỤC 3

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

VĂN BẢN KIẾN NGHỊ

Về việc bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Viễn Liên

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ vào Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Viễn Liên được thông qua ngày 05/12/2020 (“**Điều lệ**”);
- Căn cứ vào Thư mời và Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Viễn Liên ngày 25/02/2022 (“**Chương trình họp**”);
- Căn cứ vào quyền hạn và yêu cầu của nhóm cổ đông.

Hôm nay, ngày 04 tháng 03 năm 2022, Chúng tôi gồm các cổ đông hiện đang nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Viễn Liên, có thông tin cụ thể như dưới đây:

CỔ ĐÔNG 1

Họ và tên : **Mai Hà Phương**
Số cổ phần đang sở hữu : 712.031 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,56%
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

CỔ ĐÔNG 2

Họ và tên : **Lê Thị Thủy**
Số cổ phần đang sở hữu : 724.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,64%
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

CỔ ĐÔNG 3

Họ và tên : **Vũ Thị Kim Liên**
Số cổ phần đang sở hữu : 925.612 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,93%
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Sau khi xem xét các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) được đăng tải trên website Công ty và Thư mời họp đề ngày 23/02/2022. Với mục tiêu xây dựng và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, cũng như đảm bảo cuộc họp thường niên của Công ty được diễn ra đúng với quy định tại Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh Nghiệp và Điều 15 Điều lệ Công ty,

chúng tôi đại diện cho tổng số 2.362.443 cổ phần phổ thông, chiếm tỷ lệ 15,13% kiến nghị ĐHĐCĐ bổ sung các vấn đề sau đây vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

I. NỘI DUNG KIẾN NGHỊ BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP

1. Kiến nghị thay đổi cơ cấu quản trị điều hành của Công ty

Hiện Công ty đang hoạt động theo mô hình “Ban kiểm toán nội bộ” và chỉ có 01 thành viên Ban kiểm toán nội bộ do 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm. Tuy nhiên Luật Doanh Nghiệp hiện hành đã có sự thay đổi về tổ chức, hoạt động của cơ quan này, cụ thể khoản 1 Điều 161 quy định “Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên”. Với mục đích đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Doanh Nghiệp hiện hành, bảo vệ quyền lợi của cổ đông trong Công ty, cũng như đảm bảo tính độc lập, tính hiệu quả trong việc thực hiện việc giám sát hoạt động của HĐQT, tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty, Chúng tôi kiến nghị bổ sung vấn đề:

- Thảo luận và thông qua việc thay đổi cơ cấu quản trị điều hành của Công ty vào chương trình họp để ĐHĐCĐ xem xét thông qua, cụ thể thay đổi mô hình “ban kiểm toán nội bộ” thành “Ban kiểm soát” Cơ cấu quản trị điều hành sau thay đổi bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Thông báo cho toàn thể cổ đông trong Công ty thực hiện quyền đề cử, ứng cử để trở thành thành viên Ban kiểm soát và chuẩn bị các công việc cần thiết khác để tổ chức bầu mới thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027 trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

2. Kiến nghị thông qua thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022

Căn cứ vào điểm k khoản 2 Điều 138 Luật Doanh Nghiệp thì ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát. Vì lẽ đó Chúng tôi kiến nghị bổ sung vấn đề “Thảo luận và thông qua thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát trong năm 2022” vào chương trình họp để ĐHĐCĐ xem xét, đồng thời nội dung bổ sung này là phù hợp với kiến nghị được nêu tại Mục 1 ở trên. Để có sở cho ĐHĐCĐ xem xét vấn đề này, Chúng tôi đề nghị HĐQT và Ban điều hành của Công ty trình ĐHĐCĐ vấn đề về thù lao và chi phí dự kiến cho hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát Công ty trong năm 2022.

3. Kiến nghị việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022

Căn cứ vào khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty thì ĐHĐCĐ có thẩm quyền quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty. Trên cơ sở đó, Chúng tôi kiến nghị bổ sung vấn đề “Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022” vào chương trình họp để ĐHĐCĐ xem xét, thông qua. Để có cơ sở xem xét nội dung này tại Đại hội, đề nghị HĐQT triển khai tìm kiếm và lập danh sách đơn vị kiểm toán phù hợp để ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

4. Kiến nghị phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ vào Luật chứng khoán 2019, khoản 20 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán về việc các công ty đại chúng phải điều chỉnh và/hoặc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế hoạt động của HĐQT phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, các văn bản thi hành. Đồng thời, các quy chế này phải được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất kể từ ngày 01/01/2021. Do đó, Chúng tôi kiến nghị HĐQT xây dựng các quy chế đã đề cập ở trên để trình ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội sắp tới nhằm đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động của Công ty.

II. KIẾN NGHỊ

Trên đây là toàn bộ kiến nghị của nhóm cổ đông chúng tôi về việc bổ sung các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ vào chương trình họp của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, căn cứ theo các quy định tại Điều lệ và Luật Doanh Nghiệp. Kính đề nghị HĐQT chấp thuận đưa các kiến nghị này vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.

Kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty diễn ra thành công tốt đẹp!

Trân trọng./.

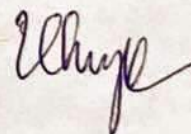
NHÓM CỔ ĐÔNG KIẾN NGHỊ



VŨ THỊ KIM LIÊN



LÊ THỊ THỦY



MAI HÀ PHƯƠNG

PHỤ LỤC 4

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

VĂN BẢN KIẾN NGHỊ

Về việc bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Viễn Liên

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ vào Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Viễn Liên được thông qua ngày 05/12/2020 ("**Điều lệ**");
- Căn cứ vào Thư mời và Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Viễn Liên ngày 25/02/2022 ("**Chương trình họp**");
- Căn cứ vào quyền hạn và yêu cầu của nhóm cổ đông.

Hôm nay, ngày 04 tháng 03 năm 2022, Chúng tôi gồm các cổ đông hiện đang nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Viễn Liên, có thông tin cụ thể như dưới đây:

CỔ ĐÔNG 1

Họ và tên : **Nguyễn Thị Lệ Thanh**
Số cổ phần đang sở hữu : 756.322 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,84%
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

CỔ ĐÔNG 2

Họ và tên : **Vũ Thanh Thủy**
Số cổ phần đang sở hữu : 750.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,80%
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

CỔ ĐÔNG 3

Họ và tên : **Vũ Thanh Thảo**
Số cổ phần đang sở hữu : 693.792 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,44%
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

CỔ ĐÔNG 4

Họ và tên : **Nguyễn Thị Kim Thanh**
Số cổ phần đang sở hữu : 762.740 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,88%
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Sau khi xem xét các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) được đăng tải trên website Công ty và Thư mời họp đề ngày 23/02/2022. Nhằm thực hiện các quyền hạn của cổ đông, cũng như đóng góp vào sự phát triển, hoạt động kinh doanh trong năm 2022 của công ty và đảm bảo cuộc họp thường niên của Công ty được diễn ra đúng với quy định tại Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh Nghiệp và Điều 15 Điều lệ Công ty, chúng tôi đại diện cho tổng số 2.962.854 cổ phần phổ thông, chiếm tỷ lệ 18,96% kiến nghị ĐHCĐ bổ sung các vấn đề sau đây vào chương trình họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 như sau:

I. NỘI DUNG KIẾN NGHỊ BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP

1. Kiến nghị thông qua việc thay đổi ngành nghề của Công ty

Trong những năm qua, kết quả hoạt động kinh doanh đối với ngành nghề viễn thông của công ty không như mong đợi, hầu như mọi hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông đều dừng lại, đồng thời nhận thấy Công ty không có kế hoạch phát triển tiếp tục hay mở rộng lĩnh vực này, do vậy Chúng tôi đề xuất đưa vấn đề “Thảo luận và thông qua việc sửa các ngành, nghề kinh doanh liên quan đến viễn thông” không còn là hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể các ngành, nghề sau:

STT	Ngành Nghề	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông	4220
2.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten); - Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (trừ tư vấn tài chính, kế toán); - Tư vấn đấu thầu; - Thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình viễn thông và tin học; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, bưu chính viễn thông.	7110
3.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
5.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp	4329
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông; - Đại lý kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông.	4610
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

	Chi tiết: - Mua bán hàng điện lạnh; - Buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành).	
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: - Mua bán thiết bị đầu cuối viễn thông; - Mua bán cáp, thiết bị viễn thông.	4652
9.	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bu chính viễn thông	9512
10.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị điện lạnh	9522
11.	Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: Cung cấp dịch vụ internet (ISP)	6110

Đồng thời, Chúng tôi kiến nghị bổ sung vấn đề “Thảo luận và thông qua việc đăng ký bổ sung các ngành, nghề kinh doanh mới” vào chương trình họp để ĐHĐCĐ xem xét thông qua, bao gồm các mã ngành, nghề sau:

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý	7020
2.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng	7320
3.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội chợ triển lãm, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
4.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
5.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: trừ đấu giá tài sản	6820
6.	Xây dựng nhà để ở	4101
7.	Xây dựng nhà không để ở	4102

8.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
10.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thi công trang trí nội, ngoại thất	7410
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

2. Kiến nghị việc thay đổi tên Công ty

Chúng tôi kiến nghị bổ sung vấn đề “Thảo luận và thông qua việc thay đổi tên” vào Chương trình họp để ĐHCĐ xem xét. Đề xuất thay đổi tên Công ty như sau:

Tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT

Tiếng Anh: SAO MAI VIET INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOIN STOCK COMPANY

Tên viết tắt: SAO MAI VIET JSC

3. Kiến nghị việc thay đổi trụ sở Công ty

Trụ sở chính hiện tại của Công ty có vị trí, cơ sở vật chất chưa phù hợp, chưa đủ chuyên nghiệp. Việc thay đổi trụ sở chính là cần thiết để thực hiện chiến lược tái cấu trúc, đảm bảo thu hút nguồn lực và nâng cao chất lượng các hoạt động vận hành, kinh doanh, đồng thời xây dựng hình ảnh mới của Công ty tương xứng với sự phát triển và tiềm năng phát triển trong tương lai. Do đó, Chúng tôi kiến nghị bổ sung vấn đề “Thảo luận và thông qua việc thay đổi trụ sở chính của Công ty” vào chương trình họp để ĐHCĐ xem xét thông qua. Theo đó, địa chỉ trụ sở dự kiến là: Các tòa nhà văn phòng từ hạng B trở lên tọa lạc tại quận trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Kiến nghị việc sửa đổi toàn văn Điều lệ Công ty

Kể từ ngày 01/01/2021 một số văn bản pháp luật quan trọng có liên quan đến hoạt động của Công ty đã có hiệu lực bao gồm: (i) Luật Chứng Khoán; (ii) Luật Doanh Nghiệp; (iii) Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán; và Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Trên cơ sở các thay đổi nêu trên, Công ty cần phải kịp thời cập nhật, sửa đổi Điều lệ cho phù hợp và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật trong tổ chức và hoạt động Công ty. Do đó, chúng tôi kiến nghị bổ sung vấn đề “Thảo luận và thông qua việc sửa đổi toàn văn Điều lệ Công ty” vào Chương trình họp để ĐHCĐ xem xét thông qua. (Điều lệ sửa đổi bổ sung được đính kèm theo Văn bản này)

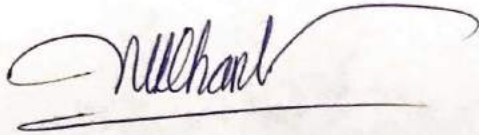
II. KIẾN NGHỊ

Trên đây là toàn bộ kiến nghị của nhóm cổ đông chúng tôi về việc bổ sung các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ vào chương trình họp của ĐHCĐ thường niên năm 2022, căn cứ theo các quy định tại Điều lệ và Luật Doanh Nghiệp. Kính đề nghị HĐQT chấp thuận đưa các kiến nghị này vào chương trình họp ĐHCĐ thường niên 2022.

Kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty diễn ra thành công
tốt đẹp!

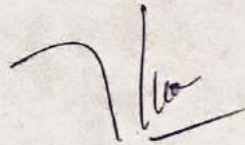
Trân trọng./.

NHÓM CỔ ĐÔNG KIẾN NGHỊ

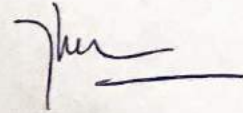


NGUYỄN THỊ KIM THANH

VŨ THANH THỦY



VŨ THANH THẢO



NGUYỄN THỊ LỆ THANH



PHỤ LỤC 5

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CÔNG TY CỔ PHẦN

VIỄN LIÊN

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thời gian: 08h00', Thứ Sáu, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Địa điểm: Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	NGƯỜI CHỦ TRÌ
8:00-8:30	1. Đăng ký đại biểu tham dự và phát tài liệu họp	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
8:30	2. Tuyên bố lý do	Người dẫn chương trình
8:30-8:35	3. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
8:35	4. Giới thiệu Đoàn chủ tịch	Người dẫn chương trình
8:35-8:55	5. Bầu chủ tọa của Đại hội, chỉ định Ban thư ký, lấy ý kiến thông qua Ban kiểm phiếu	Đoàn chủ tịch
8:55-9:15	6. Thông qua Quy chế cuộc họp	Chủ tọa
	7. Thông qua nội dung chương trình họp và nội dung kiến nghị của nhóm cổ đông	Chủ tọa
9:15-9:45	8. Thông qua Quy chế bầu cử và miễn nhiệm TV HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ và Bầu mới TV HĐQT	Chủ tọa
9:45-10:30	9. Trình bày, báo cáo và thảo luận về các vấn đề: <ul style="list-style-type: none">- Báo tài chính đã kiểm toán và kết quả kinh doanh năm 2021- Kế hoạch kinh doanh năm 2022 và phương án phân chia lợi nhuận- Phương án tăng vốn điều lệ- Thay đổi cơ cấu quản trị điều hành- Thù lao cho TV HĐQT, Ban kiểm soát- Lựa chọn đơn vị kiểm toán- Phê duyệt các Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của BKS- Thay đổi ngành nghề, tên, trụ sở Công ty	Chủ tọa

PHỤ LỤC 5

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

	- Sửa toàn văn Điều lệ	
10:30-11:10	10. Biểu quyết thông qua các vấn đề họp tại mục 9	<i>Ban kiểm phiếu</i>
	11. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu	<i>Ban kiểm phiếu</i>
	12. Nghi giải lao	
	13. Công bố kết quả biểu quyết các nội dung tại mục 9	<i>Ban kiểm phiếu</i>
11:10-11:35	14. Bầu Ban kiểm soát, Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu Ban kiểm soát	<i>Ban kiểm phiếu</i>
11:35-12:00	15. Thông qua Biên bản họp và công bố dự thảo Nghị quyết Đại hội	<i>Chủ tọa</i>
	16. Tổng kết và tuyên bố bế mạc Đại hội	<i>Chủ tọa</i>

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

(Đã ký)

VŨ THỊ NHƯ MAI

PHỤ LỤC 6

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN LIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/2022/ĐHĐCĐ-UNI

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN NHIỆM KỲ 2022-2027

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Viễn Liên (“**Công ty**”).

Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) Công ty tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) và Thành viên Ban kiểm soát (“**BKS**”) theo các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1.1 Nguyên tắc bầu cử:

- Bầu cử đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Bầu cử bằng phương thức bầu dồn phiếu.

1.2 Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (“**VSD**”) lập tại ngày 18/02/2022 hoặc người được cổ đông ủy quyền bằng văn bản hợp lệ theo mẫu của công ty.

1.3 Quyền và nghĩa vụ của cổ đông trong bầu cử:

1.4 Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự Đại Hội đều được nhận một phiếu Bầu cử HDQT và một phiếu bầu cử Ban kiểm soát, trên phiếu ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng được sử dụng để bầu cử.

1.5 Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban bầu cử và kiểm phiếu, Chủ tọa Đại Hội.

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên HDQT

2.1 Số lượng thành viên HDQT được bầu thay thế: 03 thành viên.

PHỤ LỤC 6

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

2.2 Yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT được bầu thay thế:

Ứng cử viên HĐQT được bầu thay thế phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, cụ thể:

- (i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- (ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- (iii) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

Điều 3. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên BKS

3.1 Số lượng Thành viên BKS được bầu mới: 03 thành viên.

3.2 Yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với Thành viên BKS được bầu:

Ứng cử viên BKS được bầu phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và quy chế này cụ thể:

- (i) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp này;
- (ii) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- (iii) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- (iv) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- (v) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS

4.1 Trước cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền ứng cử, đề cử hoặc cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng viên thành viên HĐQT, thành viên BKS theo quy định của Điều lệ Công ty.

4.2 Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS:

- (i) Đơn ứng cử, đề cử theo mẫu của Công ty (*theo mẫu tài liệu họp ĐHĐCĐ*);
- (ii) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh (*theo mẫu tài liệu họp ĐHĐCĐ*);
- (iii) Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu hợp lệ;

PHỤ LỤC 6

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (iv) Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.
- 4.3 Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi trực tiếp hoặc gửi email tới Công ty cổ phần Viễn Liên **trước 15h00' ngày 08/03/2022** theo thông tin địa chỉ như sau:
Văn phòng Hội đồng quản trị
Địa chỉ: A3.4A-12 Chung cư the Goldview, 346 Bến Vân Đồn, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại: 0918888706 – Bà Phan Hồng Mỹ Phương
Email: vienlien2502@gmail.com
- Trong trường hợp, cổ đông, nhóm cổ đông gửi hồ sơ ứng cử, đề cử thông qua email thì phải nộp bộ hồ sơ bản gốc của ứng viên cho Ban tổ chức cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày tổ chức Đại Hội và trước khi khai mạc Đại Hội.
- 4.4 Chỉ những hồ sơ ứng cử, đề cử đáp ứng đủ điều kiện ứng cử/đề cử theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này và những ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn thành viên HĐQT, thành viên BKS được quy định tại Điều 2.2 và Điều 3.2 mới được đưa vào danh sách ứng cử viên tại Đại Hội.
- 4.5 Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT và BKS thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, số ứng viên còn lại do HĐQT đương nhiệm và các cổ đông khác đề cử.
- 4.6 Dựa trên các Đơn đề cử, ứng cử và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Công ty sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu vào thành viên HĐQT và thành viên BKS và trình ĐHCĐ thông qua danh sách này trước khi tiến hành bỏ phiếu.

Điều 5. Phương thức bầu cử

- 5.1 Việc bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần do mình sở hữu nhân với tổng số ứng cử viên được bầu.
- 5.2 Cổ đông có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu hoặc một số phiếu bầu nhất định cho ứng viên với điều kiện số phiếu bầu không được vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.
- 5.3 Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (Bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Điều 6. Hình thức tiến hành bầu cử

- 6.1 Thẻ bầu cử

PHỤ LỤC 6

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền sẽ được cấp một Thẻ bầu cử thành viên HĐQT và một Thẻ bầu cử BKS (“Thẻ bầu cử”), trên Thẻ bầu cử được ghi Họ và tên, mã số cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu, tổng số phiếu bầu được tính theo quy định tại Điều 5.1, danh sách ứng viên được bầu làm thành viên HĐQT, thành viên BKS.

6.2 Quy định về Thẻ bầu cử

(i) Thẻ bầu cử hợp lệ:

- a) Do Công ty phát hành và có đóng dấu tròn của Công ty;
- b) Có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- c) Không bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa.

(ii) Thẻ bầu cử được xem là không hợp lệ, nếu thuộc vào một trong các trường hợp:

- a) Không phải phiếu do Công ty phát hành;
- b) Không đóng dấu tròn của Công ty;
- c) Bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng viên ngoài ứng viên được đề cử, ứng cử đủ điều kiện;
- d) Không có tên và chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- e) Ghi thêm những thông tin, ký hiệu khác;
- f) Có số phiếu bầu cho ứng viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông;
- g) Thẻ bầu cử bầu cho nhiều ứng viên hơn số lượng cần bầu;
- h) Thẻ bầu cử không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào
- i) Nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

Các Thẻ bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả kiểm phiếu.

(iii) Cách thức ghi Thẻ bầu cử:

Trên Thẻ bầu cử được thiết kế 02 sự lựa chọn để cổ đông/người đại diện theo ủy quyền thực hiện việc bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS:

- a) Lựa chọn 1: là đơn toàn bộ tổng số phiếu bầu cho ứng viên, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền đánh dấu (x) vào ô ghi tên ứng viên đó.
- b) Lựa chọn 2: là ghi số lượng phiếu bầu cụ thể cho các ứng viên với điều kiện số phiếu bầu không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông.

Trường hợp cổ đông/người đại diện theo ủy quyền, trong quá trình ghi Thẻ bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban Kiểm phiếu để đổi lại Thẻ bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông. Thẻ bầu cử cũ sẽ được thu hồi, không còn giá trị và được hủy không thể khôi phục.

6.3 Nguyên tắc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS

PHỤ LỤC 6

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (i) Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
- (ii) Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Trưởng Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tiến hành bỏ phiếu vào hòm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.
- (iii) Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.

6.4 Quy định việc kiểm phiếu

- (i) Ban Kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
 - a) Ban Kiểm phiếu làm việc ở khu vực tách biệt với khu vực diễn ra Đại Hội;
 - b) Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
 - c) Kiểm tra tính hợp lệ của các Thẻ bầu cử;
 - d) Kiểm tra lần lượt từng Thẻ bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu;
 - e) Niêm phong toàn bộ các Thẻ bầu cử, bàn giao lại cho Trưởng Ban Kiểm phiếu.
- (ii) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
 - a) Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại Hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại Hội.
 - b) Nội dung Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - Thành phần Ban Kiểm phiếu;
 - Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
 - Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu bầu;
 - Số và tỷ lệ Thẻ bầu cử phát ra, thu vào, hợp lệ, không hợp lệ;
 - Số và tỷ lệ số phiếu bầu cho từng ứng cử viên được bầu;
 - Biên bản phải có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS

- 7.1 Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 2.1 và Điều 3.1 của Quy chế này.

PHỤ LỤC 6

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 7.2 Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
- 7.3 Nếu bầu cử không đủ số thành viên HĐQT, BKS thì Đại Hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại.
- 7.4 Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì Đại Hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc để khuyết thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại Hội tiếp theo theo quyết định của Chủ tọa Đại Hội.

Điều 8. Công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS

Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại Hội, đưa vào Nghị quyết ĐHĐCĐ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Viễn Liên.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

(Đã ký)

VŨ THỊ NHƯ MAI

PHỤ LỤC 7

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

SAO MAI VIỆT

(Sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng Cổ Đông thường niên 2022 tổ chức vào ngày 18 tháng 03 năm 2022)

PHỤ LỤC 7

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

TP.Hồ Chí Minh, Tháng 03 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I	1
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ	1
CHƯƠNG II.	2
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công Ty	2
Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công Ty	3
CHƯƠNG III	3
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công Ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
CHƯƠNG IV.	5
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 6. Vốn Điều Lệ, cổ phần, Cổ Đông Sáng Lập	5
Điều 7. Chứng nhận Cổ Phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông	6
Điều 8. Chứng chỉ Chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thanh toán cổ phần	8
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông	9
Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty	10
Điều 13. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	10
CHƯƠNG V.	10
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị, kiểm soát của Công Ty	10
CHƯƠNG VI.	11
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG	11
Điều 15. Quyền của Cổ Đông Phổ Thông	11
Điều 16. Nghĩa vụ của Cổ Đông	12
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14

PHỤ LỤC 7

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thay đổi các quyền	16
Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 22. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 24. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 25. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20
Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 28. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
CHƯƠNG VII.	24
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 30. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 34. Người phụ trách quản trị Công ty	31
Điều 35. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	31
Điều 36. Biên bản họp Hội đồng quản trị	34
CHƯƠNG VIII.	35
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	35
Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý	35
Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành	35
Điều 39. Người Quản Lý và các nhân sự quản lý khác	37
Điều 40. Thư ký Công Ty	37
CHƯƠNG IX.	38
BAN KIỂM SOÁT	38
Điều 41. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát	38
Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát	38
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	39
Điều 44. Cuộc họp Ban Kiểm soát	41

PHỤ LỤC 7

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CHƯƠNG X.	41
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ	41
Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng	41
Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	41
Điều 47. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan	42
Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	44
CHƯƠNG XI.	44
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	44
Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	44
CHƯƠNG XII.	45
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	45
Điều 50. Phân phối lợi nhuận	45
CHƯƠNG XIII.	46
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	46
Điều 51. Tài khoản ngân hàng	46
Điều 52. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều Lệ và các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế	46
Điều 53. Năm tài chính	47
Điều 54. Chế độ kế toán	47
Điều 55. Kiểm toán	47
CHƯƠNG XIV.	47
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	47
Điều 56. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	48
Điều 57. Báo cáo thường niên	48
Điều 58. Trình báo cáo hằng năm	48
Điều 59. Trách nhiệm về công bố thông tin	49
CHƯƠNG XV.	49
CON DẤU	49
Điều 60. Con dấu	49
CHƯƠNG XVI.	49
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	49
Điều 61. Chấm dứt hoạt động	49
Điều 62. Thanh lý	49
CHƯƠNG XVII.	50
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	50

PHỤ LỤC 7

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ	50
CHƯƠNG XVIII.	51
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ	51
CHƯƠNG XIX.	51
NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 65. Ngày hiệu lực	51

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT (“Công Ty”), một Công Ty được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Điều Lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công Ty thông qua ngày 18/03/2022 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1.1 Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều Lệ này có quy định, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- (i) “**Vốn Điều Lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công Ty và theo quy định tại Điều 6 Điều Lệ này;
- (ii) “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- (iii) “**Luật Chứng Khoán**” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- (iv) “**Đại hội đồng cổ đông**” hoặc “**ĐHĐCĐ**” là bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết của Công Ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty;
- (v) “**Hội đồng quản trị**” hoặc “**HDQT**” là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHCĐ giao;
- (vi) “**Ban kiểm soát**” hoặc “**BKS**” là cơ quan giám sát HDQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công Ty;
- (vii) “**Người Quản Lý**” là thành viên HDQT, Chủ tịch HDQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và người quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HDQT và/hoặc Tổng Giám đốc ;
- (viii) “**Người Có Liên Quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh Nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán;
- (ix) “**Thời Gian Hoạt Động**” là thời gian theo quy định tại Điều 2.3 của Điều Lệ này;
- (x) “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- (xi) “**Công Ty Con**” là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công Ty (i) sở hữu trên 50% vốn Điều Lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp

- hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT và Tổng giám đốc/giám đốc, hoặc (iii) có quyền sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của công ty đó;
- (xii) “**Cổ Đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công Ty;
 - (xiii) “**Cổ Đông Lớn**” là cổ đông theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán;
 - (xiv) “**Cổ Đông Ưu Đãi**” là cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần ưu đãi của Công Ty;
 - (xv) “**Cổ phiếu**” là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công Ty;
 - (xvi) “**Sổ Đăng Ký Cổ Đông**” là sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.
 - (xvii) “**Điều Lệ**” là bản Điều Lệ này và các bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty.
- 1.2 Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- 1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung Điều Lệ này.
- 1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công Ty

2.1 Tên Công Ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT**

Tên tiếng Anh: **SAO MAI VIET INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **SAO MAI VIET JSC**

Công Ty là Công Ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.2 Công Ty có thể thành lập công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

2.3 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 61 Điều Lệ này, Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty sẽ bắt đầu từ ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và là vô thời hạn.

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

3.1 Công Ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công Ty.

3.2 Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.3 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

- (i) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công Ty;
- (ii) Trung thành với lợi ích của Công Ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- (iii) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà mình, Người Có Liên Quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán;
- (iv) Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công Ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công Ty

4.1 Ngành nghề kinh doanh của Công Ty là

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản; - Kinh doanh nhà ở;	6810 (Chính)

	<ul style="list-style-type: none"> - Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại); - Cho thuê cơ sở hạ tầng. 	
2.	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100
3.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4290
4.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây lắp công trình đường bộ	4210
5.	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông	4220
6.	Quảng cáo Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ quảng cáo thương mại; - Dịch vụ tiếp thị. 	7310
7.	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết : Trồng rừng	0210
8.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở)	5510
9.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý	7020
10.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng	7320
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội chợ triển lãm, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
12.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619

13.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: trừ đấu giá tài sản	6820
14.	Xây dựng nhà để ở	4101
15.	Xây dựng nhà không để ở	4102
16.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
18.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thi công trang trí nội, ngoại thất	7410
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

4.2 Mục tiêu hoạt động của Công Ty

- (i) Phát triển Công Ty thành một Tập đoàn kinh tế đa ngành.
- (ii) Tối đa hóa lợi nhuận cho Công Ty và các Cổ Đông trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới, quản trị tốt nhất các nguồn lực.
- (iii) Mở rộng mạng lưới và các hoạt động sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước.
- (iv) Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.
- (v) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 5.1 Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều Lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
- 5.2 Công Ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.

CHƯƠNG IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn Điều Lệ, cổ phần, Cổ Đông Sáng Lập

- 6.1 Vốn Điều Lệ của Công Ty là 156.176.320.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu tỷ đồng một trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*).
- 6.2 Tổng số vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 15.617.632 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- (i) Cổ phần phổ thông: 15.617.632 cổ phần.
 - (ii) Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần.
- 6.3 Công Ty có thể thay đổi vốn Điều Lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại thời điểm thông qua Điều Lệ này, tất cả các hạn chế với cổ phần phổ thông do Cổ Đông Sáng Lập nắm giữ đều được bãi bỏ.
- 6.4 Các loại cổ phần của Công Ty có thể bao gồm:
- (i) Cổ phần phổ thông: người sở hữu cổ phần phổ thông là Cổ Đông Phổ Thông.
 - (ii) Cổ phần ưu đãi: người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là Cổ Đông Ưu Đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây: Cổ phần ưu đãi biểu quyết; Cổ phần ưu đãi cổ tức; Cổ phần ưu đãi hoàn lại; Cổ phần ưu đãi khác.
 - (iii) Cổ phần khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Luật Doanh Nghiệp.
- 6.5 Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.6 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công Ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng đảm bảo điều kiện chào bán số cổ phần đó không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
- 6.7 Công Ty có thể mua lại cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này, Luật Chứng Khoán và văn bản hướng dẫn có liên quan mà không cần phải thông qua Đại hội cổ đông.
- 6.8 Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận Cổ Phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông

- 7.1 Cổ Đông của Công Ty được cấp Chứng nhận Cổ Phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- 7.2 Chứng nhận Cổ Phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công Ty và dấu của Công Ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ Đông nắm giữ,

- họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
- 7.3 Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công Ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công Ty hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT Công Ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng nhận Cổ Phiếu. Khi Cổ Đông chuyển nhượng một số cổ phần chưa lưu ký trong tổng số cổ phần được quy định trong Chứng nhận Cổ Phiếu thì Chứng nhận Cổ Phiếu cũ sẽ được hủy bỏ và thay thế bằng Chứng nhận Cổ Phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.
- 7.4 Trường hợp Chứng nhận Cổ Phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì Cổ Đông được Công Ty cấp lại Chứng nhận Cổ Phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó. Đề nghị của Cổ Đông phải bao gồm các nội dung như sau:
- (i) Thông tin về Chứng nhận Cổ Phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - (ii) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Chứng nhận Cổ Phiếu mới.
- 7.5 Đối với cổ phiếu đã lưu ký, việc cấp chứng nhận sở hữu cổ phần trong mọi trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 7.6 Sổ Đăng Ký Cổ Đông ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các Cổ Đông Công Ty có các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh Nghiệp và có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử. Danh sách người sở hữu chứng khoán được đăng ký và lưu trữ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD).
- 7.7 Trường hợp có thay đổi về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông, Chứng nhận cổ phiếu thì Cổ Đông phải có trách nhiệm thông báo cho Công Ty và/hoặc Công ty chứng khoán nơi Cổ Đông lưu ký để tiến hành việc điều chỉnh thông tin Cổ Đông trong sổ đăng ký Cổ Đông hoặc danh sách người sở hữu chứng khoán tại VSD. Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công Ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ Đông do địa chỉ của Cổ Đông không có, không chính xác, không đầy đủ cho mục đích liên lạc hoặc gửi thư đó. Việc không thể gửi thư, liên lạc, gửi tài liệu trong trường hợp như trên sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến Cổ Đông, gửi tài liệu cho Cổ Đông và hiệu lực của các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

Điều 8. Chứng chỉ Chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công Ty và dấu của Công Ty (nếu có).

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

- 9.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp được quy định tại Điều 9.2 dưới đây và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 9.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.
- 9.3 Việc chuyển nhượng cổ phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi cổ phần đã được thanh toán và thông tin của người nhận chuyển nhượng được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán hoặc vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD. Chỉ các Cổ Đông có tên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán mới được coi là Cổ Đông hợp pháp của Công Ty.
- 9.4 Tất cả các cổ phần niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 9.5 Khi một Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông trở thành Cổ Đông của Công Ty. Trường hợp không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của Cổ Đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.
- 9.6 Khi một Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản, chia tách, sáp nhập, chuyển đổi hình thức hoạt động thì mọi quyền và nghĩa vụ liên quan tới cổ phần của Cổ Đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Thanh toán cổ phần

- 10.1 Cổ Đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua theo thời hạn của Hợp đồng đăng ký mua cổ phần. HĐQT chịu trách nhiệm đôn đốc, giám sát Cổ Đông thanh toán đủ và đúng hạn các cổ phần đã đăng ký mua.
- 10.2 Trường hợp sau thời hạn phải thanh toán theo quy định tại Điều 10.1 Điều Lệ nhưng Cổ Đông chưa thanh toán hoặc thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

- (i) Cổ Đông chưa thanh toán cổ phần đã đăng ký mua đương nhiên không còn là Cổ Đông của Công Ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;
 - (ii) Cổ Đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền biểu quyết, nhận cổ tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;
 - (iii) Cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và HĐQT được quyền bán cho người khác;
 - (iv) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại Điều 10.1, Công Ty phải đăng ký điều chỉnh vốn Điều Lệ bằng mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ, trừ trường hợp số cổ phần chưa thanh toán đã được bán hết trong thời hạn này.
- 10.3 Người mua cổ phần sẽ trở thành Cổ Đông của Công Ty kể từ thời điểm đã thanh toán đủ việc mua cổ phần và những thông tin về Cổ Đông quy định tại Điều 7.6 Điều Lệ này được ghi vào Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông

- 11.1 Cổ Đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông quy định tại Điều Lệ Công Ty có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ĐHCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- 11.2 Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông quy định tại Điều 11.1 trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp Công Ty không được mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- 11.3 Cổ phần sẽ được mua lại theo giá thị trường tại thời điểm đó.
- 11.4 Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể tham vấn một tổ chức thẩm định giá định giá chuyên nghiệp. Giá bán cổ phần của Cổ Đông sẽ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được phê duyệt và kiểm toán của Công Ty. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày có thông báo tham vấn chuyên gia, nếu Cổ Đông đó không phản đối thì giá bán sẽ được coi như đã đồng ý. Trường hợp Cổ Đông đó phản đối thì phải gửi văn bản tới Công Ty. Tuy vậy, không phụ thuộc vào việc nhận được ý kiến phản đối đó, Công Ty vẫn có quyền thực hiện việc thanh toán theo giá đã được xác định và chấm dứt tất cả các quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông đó liên quan tới Công Ty.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty

Công Ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Trình tự thực hiện mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty và tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 13. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- 13.1 Công Ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ Đông theo quy định tại Điều 11 và 12 nêu trên nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 13.2 Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 và 12 nêu trên được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Điều 112.4 của Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải đăng ký giảm vốn Điều Lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công Ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- 13.3 Chứng nhận cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và TGD phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.
- 13.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn 10% thì Công Ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

CHƯƠNG V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị, kiểm soát của Công Ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị, kiểm soát của Công Ty bao gồm:

- 14.1 **Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết của Công Ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty;
- 14.2 **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT chịu trách nhiệm quản lý Công Ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ Đông;
- 14.3 **Ban kiểm soát:** là cơ quan giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý điều hành Công Ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- 14.4 **Tổng Giám đốc (Giám đốc):** là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của HĐQT, BKS và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của Cổ Đông Phổ Thông

- 15.1 Người sở hữu cổ phần phổ thông được gọi là Cổ Đông Phổ Thông.
- 15.2 Cổ Đông Phổ Thông có các quyền sau:
- (i) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - (ii) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - (iii) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ Đông trong Công Ty;
 - (iv) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật có liên quan;
 - (v) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - (vi) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - (vii) Trường hợp Công Ty giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty;
 - (viii) Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp được quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp;
 - (ix) Các quyền khác theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
- 15.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền sau:
- (i) Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ khi HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của Người Quản Lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, các trường hợp khác được quy định tại Điều Lệ này với điều kiện đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp;
 - (ii) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

- (iii) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thực hiện bằng văn bản; phải có họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - (iv) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - (v) Các quyền khác được quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
- 15.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong Công Ty có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS thực hiện như sau:
- (i) Các Cổ Đông Phổ Thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - (ii) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS;
 - (iii) Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các Cổ Đông khác đề cử.

Điều 16. Nghĩa vụ của Cổ Đông

- 16.1 Tuân thủ Điều Lệ Công Ty và các quy chế của Công Ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- 16.2 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua;
- 16.3 Cung cấp địa chỉ liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần bao gồm: họ tên, địa chỉ liên lạc, email;
- 16.4 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

- 16.5 Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- 16.6 Tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết bằng các phương tiện, hình thức khác theo sự hướng dẫn của Công Ty.
- 16.7 Phản hồi các phiếu lấy ý kiến bằng văn bản khi nhận được từ Công Ty;
- 16.8 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 17.1 ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ như sau:
- (i) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
 - (ii) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - (iii) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS;
 - (iv) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - (v) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;
 - (vi) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - (vii) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - (viii) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông Công Ty;
 - (ix) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - (x) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS theo định kỳ hằng năm;
 - (xi) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động HĐQT, BKS;
 - (xii) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - (xiii) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật.
- 17.2 ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua những vấn đề sau đây:
- (i) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

- (ii) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - (iii) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - (iv) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;
 - (v) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS;
 - (vi) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - (vii) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 17.3 Tất cả các nghị quyết và vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 18. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 18.1 ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 18.2 HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm họp phù hợp. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Thành viên HĐQT, thành viên BKS phải tham dự họp để trả lời các câu hỏi của Cổ Đông tại cuộc họp; trường hợp không tham dự được thì thành viên HĐQT, thành viên BKS phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và BKS.
- 18.3 Ngoài cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự cuộc họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- 18.4 HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường trong trường hợp sau đây:
- (i) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
 - (ii) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 15.3 Điều Lệ này. Yêu cầu triệu tập phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó bao gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
 - (iv) Theo yêu cầu của BKS;

- (v) Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật.
- 18.5 Cách thức triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:
- (i) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu như quy định tại Điều 18.4 (iii) và (iv).
 - (ii) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 18.5 (i) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều 21 Điều Lệ.
 - (iii) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 18.5 (ii) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông theo quy định tại Điều 15.3 (i) có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều 21 Điều Lệ này.
- 18.6 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 18.4 và Điều 18.5 được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 19.1 Các Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân khác tham dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 16.6 của Điều Lệ.
- 19.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền này phải được lập theo mẫu của Công Ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- (i) Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ Đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - (ii) Trường hợp đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được ủy quyền dự họp;
 - (iii) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp hoặc văn bản ủy quyền có thể được Cổ Đông gửi tới Công Ty hoặc tại địa điểm nêu trên thông báo triệu tập cuộc họp trong vòng 48 giờ trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 19.3 Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- (i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- (ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- (iii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Thay đổi các quyền

- 20.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông đại diện trên 50% số phiếu biểu quyết của Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông Ưu Đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông Ưu Đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông Ưu Đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 20.2 Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số Cổ Đông như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng Cổ Đông yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 20.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều Lệ này.
- 20.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

- 21.1 Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - (i) Chuẩn bị danh sách Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Công Ty phải công bố thông

tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- (ii) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- (iii) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
- (iv) Chuẩn bị tài liệu cuộc họp;
- (v) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS;
- (vi) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp;
- (vii) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

21.2 Thông báo được đến tất cả các Cổ Đông trong Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp bằng phương thức để bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của các Cổ Đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập cuộc họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề được biểu quyết sẽ được gửi cho các Cổ Đông và/hoặc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp thì thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- (ii) Danh sách, thông tin chi tiết các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS;
- (iii) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- (iv) Phiếu biểu quyết;
- (v) Văn bản ủy quyền tham dự họp theo mẫu hoặc theo quy định pháp luật dân sự.

21.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Điều 15.3 của Điều Lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được lập thành văn bản và tuân theo quy định tại Điều 15.3 (iv).

21.4 Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền từ chối các kiến nghị tại Điều 21.3 nói trên nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- (i) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Điều 15.3 (iv) Điều Lệ;
- (ii) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ từ đủ 5% cổ phần phổ thông theo quy định Điều 15.3 Điều Lệ;
- (iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- (iv) Kiến nghị, theo ý kiến của người triệu tập ĐHĐCĐ, là không phù hợp với mục tiêu đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất cho Công Ty và đa số các Cổ Đông, không phù hợp với các quy chế tổ chức và hoạt động, văn hóa cốt lõi, định hướng phát triển của Công Ty.

- 21.5 Trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị theo quy định tại Điều 21.4 Điều Lệ thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- 21.6 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị theo quy định tại Điều 21.3 Điều Lệ vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 21.4 Điều Lệ; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 22. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 22.1 ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện trên 50% tổng số biểu quyết.
- 22.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 22.1 thì thông báo mời họp lần hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần hai được tiến hành khi Cổ Đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số biểu quyết.
- 22.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 22.2 thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp.

Điều 23. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 23.1 Vào ngày tổ chức đại hội cổ đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông.
- 23.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông hoặc Đại diện ủy quyền của Cổ Đông một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết “tán thành” “không tán thành” “không có ý kiến”. Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.
- 23.3 Cổ Đông hoặc Đại diện ủy quyền của Cổ Đông đến dự ĐHĐCĐ sau khi Đại hội đã khai mạc có quyền đăng ký và sau đó tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ Đông, Đại diện ủy quyền của Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị thay đổi.
- 23.4 Việc bầu Chủ tọa, Thư ký tại Đại hội:
- (i) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- (ii) Trừ trường hợp quy định tại Điều 23.4 (i), Người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - (iii) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
 - (iv) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 23.5 Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định thời gian từng vấn đề trong nội dung họp.
- 23.6 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
- (i) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - (ii) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - (iii) Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết.
- 23.7 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:
- (i) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - (ii) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 23.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - (ii) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - (iii) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 23.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại Điều 23.8 này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 23.10 Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể bao gồm hình thức họp trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến, trong đó, một số hoặc tất cả các Cổ Đông đang ở những địa điểm khác nhau có thể:

- (i) Nhìn thấy và nghe Chủ tọa cùng những người tham dự khác tại Đại hội phát biểu tại cuộc họp; và
- (ii) Giao tiếp được với Chủ tọa và các Cổ Đông khác cùng lúc một cách trực tiếp hoặc thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng các hình thức áp dụng công nghệ khác.

Địa điểm họp ĐHĐCĐ trong trường hợp này là ở địa điểm nơi Chủ tọa điều hành cuộc họp.

23.11 Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo các hình thức quy định tại Điều 16.6 Điều Lệ.

Điều 24. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 24.1 ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 24.2 Nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - (i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - (ii) Quyết định loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - (iii) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - (iv) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công Ty.

Điều 25. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 25.1 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 25.3, Điều 25.4 của Điều Lệ này:
 - (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - (v) Tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - (vi) Các vấn đề khác do Điều Lệ Công Ty quy định.
- 25.2 Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 25.3, Điều 25.4 của Điều Lệ này.
- 25.3 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết) hoặc bầu dồn phiếu (theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của

mình cho một hoặc một số ứng cử viên), tùy theo quy định cụ thể tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp.

- 25.4 Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông Ưu Đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông Ưu Đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 25.5 Các nghị quyết được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 26.1 HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 25.1 Điều Lệ này.
- 26.2 Thể thức lấy ý kiến bằng văn bản:
HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến. Việc chuẩn bị Danh sách Cổ Đông và gửi Phiếu lấy ý kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 21.1(i) và Điều 21.2 Điều Lệ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ Đông phải ghi rõ nơi đăng tải tài liệu và Phương thức để các Cổ Đông gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công Ty.
- 26.3 Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý khác của Cổ Đông là tổ chức; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (v) Phương án biểu quyết bao gồm “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”;
 - (vi) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công Ty;
 - (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
- 26.4 Cổ Đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- (i) Trường hợp gửi thư, Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - (iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 26.5 HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
 - (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (iii) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục Danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
 - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
 - (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 26.6 Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố thông tin bất thường với Ủy ban chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 26.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 26.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 27.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - (iii) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (iv) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - (vi) Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
 - (viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 27.2 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 27.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 27.4 Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 27.5 Biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- 28.1 Nghị quyết ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 28.2 Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều Lệ Công Ty.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 29.1 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 15.3 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
- (i) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp được quy định tại Điều 28.2 Điều Lệ;
 - (ii) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.
- 29.2 Trong trường hợp quy định tại Điều 29.1 nêu trên, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- 30.1 Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp và không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.
- 30.2 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp trên trang thông tin điện tử của Công Ty để các Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên được công bố bao gồm những thông tin:
- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (ii) Trình độ chuyên môn;
 - (iii) Quá trình công tác;
 - (iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - (v) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty.

Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công Ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công Ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 31.1 Số lượng thành viên HĐQT từ 03 đến 11 thành viên với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT không quá 2 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên độc lập HĐQT của Công Ty phải đảm bảo như sau:
- (i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên HĐQT từ 03 đến 05 thành viên;
 - (ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;
 - (iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên;
 - (iv) Tiêu chuẩn của thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
- 31.2 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 31.3 Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 31.1 Điều Lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
- 31.4 Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
- 31.5 Thành viên HĐQT bị chấm dứt tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp như sau:
- (i) Đương nhiên bị chấm dứt tư cách thành viên HĐQT kể từ thời điểm phát sinh các sự kiện như sau đây, nếu:
 - a) Thành viên HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ;
 - b) Thành viên HĐQT không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm Người Quản Lý theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh Nghiệp;

- c) Các sự kiện khác làm cho thành viên không thể tham gia thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
 - (ii) Tư cách thành viên HĐQT bị chấm dứt kể từ thời điểm ĐHĐCĐ ban hành nghị Quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên HĐQT có đơn xin từ chức, gửi đến HĐQT và được chấp thuận;
 - b) Không tham hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- 31.6 Để tránh ảnh hưởng đến hoạt động bình thường và vì lợi ích cao nhất của Công Ty và Cổ Đông, khi xảy ra tình huống như quy định tại Điều 31.5(i) thì:
- (i) Thời điểm chấm dứt tư cách thành viên HĐQT là thời điểm HĐQT hoặc Công ty xác định hoặc biết được sự kiện là căn cứ chấm dứt tư cách thành viên như được quy định tại Điều 31.5(i);
 - (ii) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên chấm dứt tư cách thành viên HĐQT, HĐQT phải công bố công khai thông tin về sự việc trên các phương tiện thông tin đại chúng của Công Ty;
 - (iii) ĐHĐCĐ giao cho HĐQT nhanh chóng tìm kiếm và bầu bổ sung một hoặc nhiều thành viên để thay thế các thành viên HĐQT đã bị khuyết bằng một quyết định của HĐQT nhằm mục đích duy trì các hoạt động ổn định, bình thường của HĐQT và Công Ty;
 - (iv) HĐQT sẽ triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sớm nhất để phê duyệt việc bầu bổ sung thành viên của HĐQT;
 - (v) Thành viên HĐQT được bầu bổ sung có đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh nghiệp cho đến khi có quyết định phê duyệt của ĐHĐCĐ. Trường hợp thành viên HĐQT được bầu bổ sung không được ĐHĐCĐ phê duyệt thì mọi quyết định, hành động trong thời gian làm việc với tư cách thành viên HĐQT theo quyết định của HĐQT đương nhiệm vẫn có hiệu lực thi hành.
- 31.6 HĐQT có trách nhiệm tiến hành các thủ tục hợp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và bầu thành viên mới thay thế thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong thời gian sớm nhất.
- 31.7 HĐQT phải triệu tập họp hoặc lấy ý kiến ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 160 Luật Doanh Nghiệp khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- (i) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số thành viên HĐQT đương nhiệm. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc chấp thuận yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ của Cổ Đông/nhóm Cổ Đông đủ điều kiện trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

(ii) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 31.1 của Điều Lệ này.

31.8 Khi một thành viên HĐQT chấm dứt tư cách thành viên bất kể lý do hoặc hết nhiệm kỳ hoặc tất cả các thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

31.9 Việc thay đổi các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

32.1 HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

32.2 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định bởi pháp luật, Điều Lệ Công Ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có những quyền và nghĩa vụ như sau:

- (i) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;
- (ii) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Kiến nghị mức cổ tức được trả hằng năm;
- (iii) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
- (iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và Người Quản Lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người Quản Lý đó;
- (v) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
- (vi) Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- (vii) Quyết định huy động thêm vốn theo nhiều hình thức khác tùy thuộc vào bối cảnh và điều kiện, quyết định chào bán chứng khoán không phải là cổ phiếu;
- (viii) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- (ix) Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công Ty;
- (x) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều Lệ này và quyết định mức giá mua lại cổ phần;
- (xi) Quyết định phương án đầu tư, hợp tác kinh doanh trong phạm vi các ngành nghề, kinh doanh của Công Ty, sắp xếp/tổ chức lại tài sản của Công Ty;
- (xii) Quyết định việc mở rộng, thu hẹp, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư và các vấn đề khác có liên quan đến các dự án mà Công Ty đang làm chủ đầu tư, phát triển và kinh doanh;

- (xiii) Quyết định bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- (xiv) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (xv) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- (xvi) Quyết định việc vay vốn, cho vay vốn và các giao dịch tài chính khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công Ty; Quyết định việc giao kết, thực hiện biện pháp đảm bảo như thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường phát sinh trong quá trình quản lý vận hành, hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (xvii) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên Quan được quy định tại Điều Lệ này và pháp luật có liên quan;
- (xviii) Quyết định việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty, thành lập các công ty con của Công Ty và đưa ra các quyết định quản lý, điều hành, định đoạt tài sản trong chi nhánh, văn phòng đại diện và công ty con;
- (xix) Quyết định việc mua hoặc bán cổ phần/phần vốn góp trong các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; quyết định cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Công Ty, ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHHĐCĐ ở các doanh nghiệp nêu trên, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó và đưa ra các quyết định quản lý, điều hành, định đoạt phần vốn góp/tài sản theo quy định của pháp luật trong các doanh nghiệp mà Công ty sở hữu vốn;
- (xx) Quyết định việc định giá các tài sản không phải bằng tiền góp vào Công Ty và các tài sản không phải bằng tiền mà Công Ty dùng để góp vốn vào các công ty khác (bao gồm công ty con và các công ty khác) bao gồm nhưng không giới hạn đến vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- (xxi) Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- (xxii) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Người Quản Lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
- (xxiii) Quyết định cơ cấu quản trị điều hành, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (xxiv) Trong phạm vi nội dung được ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt và hủy bỏ các hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướm Công Ty và liên doanh);
- (xxv) Quyết định tổng số lao động và quỹ lương của Công Ty;
- (xxvi) Các quyền khác theo quy định tại Điều Lệ này và pháp luật có liên quan.

- 32.3 HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh Nghiệp và đảm bảo những nội dung như sau:
- (i) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 32.5 Điều Lệ này;
 - (ii) Tổng kết các cuộc họp HĐQT và quyết định HĐQT;
 - (iii) Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm giữ quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều Lệ với thành viên HĐQT và những Người Có Liên Quan của thành viên đó;
 - (iv) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
- 32.4 HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và Người Quản Lý khác để thực hiện một hoặc nhiều trách nhiệm thuộc phạm vi quyền và trách nhiệm của HĐQT khi cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 32.5 Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT:
- (i) Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
 - (ii) Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT theo các nguyên tắc sau: Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
 - (iii) Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
 - (iv) Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
 - (v) Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

- (vi) Thành viên HĐQT có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ.
- (vii) Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, Công Ty Con, công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công Ty.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 33.1 HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn một Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết) và được HĐQT chấp thuận.
- 33.2 Chủ tịch HĐQT sẽ không được kiêm Tổng Giám đốc/Giám đốc của Công Ty.
- 33.3 Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - (i) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - (ii) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - (iii) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - (iv) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - (v) Chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ;
 - (vi) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.
- 33.4 Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ Đông tại ĐHCĐ.
- 33.5 Chủ tịch HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của HĐQT. Trường hợp này, HĐQT phải bầu thay thế Chủ tịch HĐQT mới trong số các thành viên HĐQT còn lại.
- 33.6 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
- 33.7 Trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của Luật, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc

thành viên HĐQT ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch HĐQT. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 34. Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT của Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công Ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại Điều 40 Điều Lệ này.

Điều 35. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 35.1 Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 35.2 HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
- 35.3 Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:
 - (i) Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành hoặc ít nhất năm (05) Người Quản Lý khác;
 - (ii) Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - (iii) BKS;
 - (iv) Thành viên HĐQT độc lập.
- 35.4 Các cuộc họp HĐQT nêu tại Điều 35.3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 35.3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty, người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 35.5 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.
- 35.6 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- 35.7 Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
- 35.8 Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 35.9 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số các thành viên HĐQT chấp thuận.
- 35.10 Biểu quyết: Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết, trừ trường hợp biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty thì thành viên HĐQT đó không có quyền biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.
- 35.11 Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 19 Điều Lệ này;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - (v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo hướng dẫn của người triệu tập họp tùy từng thời điểm.
- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 35.12 HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định. Nghị quyết của HĐQT được ban hành trên cơ sở kết quả biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 35.13 Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- (i) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

- 35.14 Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều Lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- 35.15 Nghị quyết của HĐQT được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến hoặc hình thức khác khi đủ điều kiện theo quy định tại Điều 35.12 và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp. Trong thời gian sớm nhất, các thành viên HĐQT phải bổ sung biên bản họp có đầy đủ chữ ký.
- 35.16 Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo thủ tục sau:
- (i) Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo nghị quyết cho các thành viên HĐQT;
 - (ii) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong phiếu lấy ý kiến;
 - (iii) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên HĐQT và lập ra biên bản kiểm phiếu;
 - (iv) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành nghị quyết của HĐQT về vấn đề đã được các thành viên thông qua.
- Nghị quyết HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
- 35.17 Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT được 100% số thành viên HĐQT trực tiếp và ủy quyền tham dự là hợp lệ và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không thực hiện như đúng quy định tại Điều Lệ và pháp luật có liên quan.
- 35.18 HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các vấn đề khác khi cần thiết. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT độc lập/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT đề ra. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 35.19 Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT

lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và Người Có Liên Quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Điều 36. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 36.1 Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Thời gian, địa điểm họp;
 - (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản và các thành viên HĐQT khác (nếu thuận tiện), trừ trường hợp quy định tại Điều 36.2 dưới đây.
- 36.2 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 36.1 thì biên bản này có hiệu lực.
- 36.3 Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
- 36.4 Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 36.5 Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG VIII.
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THU
KÝ CÔNG TY

Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty. Công Ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng, một Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức.

Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành

- 38.1 Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- 38.2 HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công Ty.
- 38.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Nếu nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đương chức hết hạn mà Tổng Giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm Tổng Giám đốc mới được bổ nhiệm.
- 38.4 Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- (i) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - (ii) Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - (iii) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
 - (iv) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
 - (v) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các nhân sự quản lý trong Công Ty khi được sự đồng ý của HĐQT, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- (vi) Thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo chỉ đạo, các nghị quyết của HĐQT, các quy định nội bộ của Công Ty và những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - (vii) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công Ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - (viii) Tuyển dụng lao động; Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - (ix) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả nhân sự quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - (x) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - (xi) Trong quý 1 hàng năm, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - (xii) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;
 - (xiii) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty;
 - (xiv) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ này và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và pháp luật;
 - (xv) Ban hành các quy định, nội quy, chính sách, quy chế nội bộ ràng buộc tất cả các nhân viên trong quá trình làm việc tại Công Ty;
 - (xvi) Được ủy quyền cho cấp dưới và người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước HĐQT về việc ủy quyền đó;
 - (xvii) Các quyền hạn và trách nhiệm khác không thuộc quyền hạn và trách nhiệm của ĐHCĐ, HĐQT theo quy định tại Điều Lệ này.
- 38.5 Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 38.6 HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 39. Người Quản Lý và các nhân sự quản lý khác

- 39.1 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công Ty được sử dụng nhân sự quản lý với chức danh, số lượng, tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu quản lý, hoạt động của Công Ty. Nhân sự quản lý phải có sự miễn cưỡng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 39.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng với nhân sự quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành.
- 39.3 Tiền lương của Tổng Giám đốc, nhân sự quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.
- 39.4 HĐQT quyết định tổng số lao động và quỹ lương của Công Ty. Tổng Giám đốc trong giới hạn sẽ toàn quyền lựa chọn, tuyển dụng lao động theo các quy định của Công Ty. Đối với những vị trí quan trọng được xác định bởi HĐQT tùy từng thời điểm, Tổng Giám đốc phải được sự đồng ý của HĐQT trước khi bổ nhiệm hoặc ký kết hợp đồng lao động với họ.

Điều 40. Thư ký Công Ty

- 40.1 HĐQT sẽ chỉ định một hay nhiều người làm thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những vấn đề khác theo quyết định của HĐQT và có thể thay thế thư ký Công Ty khi cần. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công Ty bao gồm:
- (i) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHCĐ, HĐQT;
 - (ii) Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - (iii) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - (iv) Tham dự các cuộc họp, ghi chép các biên bản họp;
 - (v) Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
 - (vi) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS;
 - (vii) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - (viii) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
 - (ix) Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ Cổ Đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Cổ Đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
- 40.2 Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

- 41.1 Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 15.4 Điều Lệ này.
- 41.2 Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 31.3 của Điều Lệ này.
- 41.3 Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát

- 42.1 Số lượng thành viên BKS của Công Ty từ 3 đến 5 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 42.2 Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh Nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - (i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - (ii) Là thành viên hay nhân viên của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liên trước đó.
- 42.3 Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 42.2 nêu trên;
 - (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (iii) Trường hợp khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- 42.4 Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - (iv) Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- 42.5 Việc biểu quyết bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết) hoặc bầu dồn phiếu (theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên), tùy theo quy định cụ thể tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp
- 42.6 Trưởng BKS do các thành viên BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 42.7 Trưởng BKS có các quyền và nghĩa vụ sau:
- (i) Triệu tập cuộc họp BKS;
 - (ii) Yêu cầu HĐQT, TGD và Người Quản Lý cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS; Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

- 43.1 BKS các các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh Nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
- (i) Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - (ii) Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình;
 - (iii) Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý khác;
 - (iv) Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và Cổ Đông;
 - (v) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ của thành viên HĐQT, TGD và Người Quản Lý của Công Ty, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - (vi) BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
 - (vii) Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
 - (viii) Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên và phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS (nếu có);
 - c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều Lệ với thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý và những Người Có Liên Quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý là thành viên sáng lập hoặc là Người Quản Lý trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và Người Quản Lý;
 - f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các Cổ Đông.
- (ix) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác;
 - (x) Có quyền đến địa điểm làm việc của Người Quản Lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc;
 - (xi) Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và Người Quản Lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh Nghiệp và quy định tại Điều Lệ này;
 - (xii) Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều Lệ, Luật Doanh Nghiệp và pháp luật có liên quan.

43.2 Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên BKS:

- (i) Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
- (ii) Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
- (iii) Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

Điều 44. Cuộc họp Ban Kiểm soát

- 44.1 BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.
- 44.2 BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG X.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người Quản Lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 46.1 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 46.2 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- 46.3 Công Ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành, Người Quản Lý và những Người Có Liên Quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- 46.4 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những Người Có Liên Quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc Người Có Liên Quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- (i) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
- (ii) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các Cổ Đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ Đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- (iii) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ Đông của Công Ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các Cổ Đông cho phép thực hiện.

46.5 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những Người Có Liên Quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 47. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan

- 47.1 Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ Đông là cá nhân và Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó là cá nhân.
- 47.2 Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ Đông là tổ chức và Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó là cá nhân trừ trường hợp Cổ Đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.
- 47.3 Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Có Liên Quan của Cổ Đông là tổ chức, trừ trường hợp Công Ty và Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ thông qua nếu giá trị giao dịch từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty và phải được HĐQT thông qua nếu giá trị giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty.
- 47.4 Công Ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được ĐHĐCĐ chấp thuận:
 - (i) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý khác không phải là Cổ Đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý mà Công Ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế thì ĐHĐCĐ chấp thuận các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty.

- (ii) Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý khác và Người Có Liên Quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ Đông, Người Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công Ty và những Người Có Liên Quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh Nghiệp.
- (iii) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó.

47.5 HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau:

- (i) Hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 47.4(i) nêu trên mà không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- (ii) Hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 47.4(ii) nêu trên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- (iii) Hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 47.4(iii) nêu trên có giá trị bằng hoặc dưới 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty.

47.6 Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều này 47.4, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho HĐQT và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

47.7 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ Đông, thành viên HĐQT hoặc Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

47.8 Công Ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

48.1 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cẩn và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

48.2 Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công Ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

(i) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty;

(ii) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

48.3 Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI.

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

49.1 Phù hợp với các quy định tại Điều Lệ này, Cổ Đông Phổ Thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ với yêu cầu bằng văn bản gửi đến trước ít nhất ba (03) ngày trước ngày dự kiến tra cứu. Việc tra cứu phải trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công Ty với phạm vi tra cứu như sau:

- (i) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - (ii) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - (iii) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
 - (iv) Xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 166 Luật Doanh Nghiệp.
- 49.2 Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp, có công chứng.
- 49.3 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Quản Lý khác có quyền tra cứu Sổ Đăng Ký Cổ Đông, danh sách Cổ Đông, sổ sách và các hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật
- 49.4 Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 49.5 Điều Lệ Công Ty và các bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ phải được công bố trên website của Công Ty.

CHƯƠNG XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 50. Phân phối lợi nhuận

- 50.1 ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.
- 50.2 Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 50.3 HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
- 50.4 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ

Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký chứng khoán Việt Nam.

- 50.5 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 50.6 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và nghị quyết của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.

CHƯƠNG XIII.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

- 51.1 Công Ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 51.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 51.3 Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 52. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều Lệ và các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế

- 52.1 Quỹ dự trữ để bổ sung vốn Điều Lệ:
Hàng năm, Công Ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn Điều Lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công Ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn Điều Lệ của Công Ty.
- 52.2 Các quỹ khác, mức trích do ĐHĐCĐ quyết định bao gồm:
- (i) Quỹ dự phòng tài chính;
 - (ii) Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi;
 - (iii) Quỹ HĐQT;
 - (iv) Quỹ khuyến khích sản xuất và khuyến mãi khách hàng: Dùng để khen thưởng, khuyến mãi cho những cơ quan, cá nhân trong và ngoài Công Ty có nhiều đóng góp cho Công Ty.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 54. Chế độ kế toán

- 54.1 Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ chế độ kế toán nào được cơ quan có thẩm quyền ban hành và chấp thuận.
- 54.2 Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
- 54.3 Công Ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 55. Kiểm toán

- 55.1 ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT. Công Ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 55.2 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 55.3 Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
- 55.4 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XIV.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

- 56.1 Công Ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều Lệ này.
- 56.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp để phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính tính đến thời điểm lập báo cáo.
- 56.3 Công Ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 56.4 Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công Ty phải được công bố trên website của Công Ty.
- 56.5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công Ty, tại trụ sở chính của Công Ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 57. Báo cáo thường niên

Công Ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 58. Trình báo cáo hằng năm

- 58.1 Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
 - (i) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
 - (ii) Báo cáo tài chính;
 - (iii) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
 - (iv) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
- 58.2 Báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty phải được kiểm toán trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.
- 58.3 Báo cáo quy định tại các Điều 58.1 (i), (ii) và (iii) phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 58.4 Các Báo cáo quy định tại Điều 58.1 và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ Đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 59. Trách nhiệm về công bố thông tin

- 59.1 Công Ty có trách nhiệm và nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho Cổ Đông và nhà đầu tư.
- 59.2 Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán nhằm đảm bảo Cổ Đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin phải rõ ràng, dễ hiểu.

CHƯƠNG XV.

CON DẤU

Điều 60. Con dấu

- 60.1 HĐQT sẽ quyết định số lượng con dấu, mẫu dấu, kích thước con dấu chính thức của Công Ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
- 60.2 HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định Quy chế nội bộ của Công Ty về việc sử dụng con dấu và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XVI.

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 61. Chấm dứt hoạt động

- 61.1 Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
- (i) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - (ii) Tòa án tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - (iii) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - (iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 61.2 Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 62. Thanh lý

- 62.1 Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công Ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc

- chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.
- 62.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 62.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- (i) Các chi phí thanh lý;
 - (ii) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - (iii) Thuế và các khoản nộp cho nhà nước;
 - (iv) Các khoản vay (nếu có);
 - (v) Các khoản nợ khác của Công Ty;
 - (vi) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (i) đến mục (v) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 63.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công Ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa :
- (i) Cổ Đông với Công Ty;
 - (ii) Cổ Đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám Đốc điều hành hay Người Quản Lý, nhân sự quản lý của Công Ty.
- Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
- 63.2 Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC).
- 63.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí tố tụng được thực hiện theo phán quyết của VIAC.

**CHƯƠNG XVIII.
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ

- 64.1 Việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
Trong trường hợp có các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

**CHƯƠNG XIX.
NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 65. Ngày hiệu lực

- 65.1 Bản Điều Lệ này gồm XIX chương 65 điều, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT nhất trí thông qua ngày 18 tháng 03 năm 2022 tại TP. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.
- 65.2 Điều Lệ được lập thành 04 bản gốc bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở chính Công Ty.
- 65.3 Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.
- 65.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Công Ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2022

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Đại hội đồng Cổ đông.....	1
Điều 3. Hội đồng quản trị.....	10
Điều 4. Ban Kiểm soát	15
Điều 5. Tổng Giám đốc	17
Điều 6. Các hoạt động khác	17
Điều 7. Quy định về đánh giá khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, BKS và TGD.....	18
Điều 8. Hiệu lực thi hành	19

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU
TU VÀ PHÁT TRIỂN SAO
MAI VIỆT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT

-----o0o-----

- Căn cứ Luật Chứng Khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Căn cứ Điều lệ Công ty đã được thông qua ngày 18/3/2022 (“**Điều lệ Công ty**”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02-2022/NQ/ĐHĐCĐ/UNI ngày 18/3/2022,

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) ban hành Quy chế nội bộ về quản trị (Sau đây gọi là “**Quy Chế**”) của **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT** (“**Công ty**”) bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1 Phạm vi điều chỉnh:** Quy Chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”), HĐQT, Tổng Giám đốc (“**TGD**”); trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (“**BKS**”), TGD và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2 Đối tượng áp dụng:** Quy Chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, TGD và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng Cổ đông

- 2.1 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ:** ĐHĐCĐ gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

2.2 Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.2.1 Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ.

- (i) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên.
- (ii) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường được thực hiện theo quy định tại Điều 18.5 Điều lệ Công ty và trong các trường hợp sau:
 - (a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - (b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - (c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 15.3 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó bao gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - (d) Theo yêu cầu của BKS;
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2.2 Lập Danh sách Cổ đông có quyền dự họp.

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

2.2.3 Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.2.4 Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các cổ đông đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch thì phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp và thực hiện công bố thông tin chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- (ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp đầu thành viên HĐQT, Thành viên BKS;
- (iii) Phiếu biểu quyết;
- (iv) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- (v) Văn bản ủy quyền tham dự họp theo mẫu hoặc theo quy định của pháp luật dân sự.

2.2.5 Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:

- (i) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội và các công việc khác theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty;
- (ii) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- (iii) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại mục (ii) nêu trên nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - (a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Điều 2.2.5(ii) Quy chế này;
 - (b) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên;
 - (c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - (d) Kiến nghị, theo ý kiến của người triệu tập ĐHĐCĐ, là không phù hợp với mục tiêu đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất cho Công Ty và đa số các Cổ Đông, không phù hợp với các quy chế tổ chức và hoạt động, văn hóa cốt lõi, định hướng phát triển của Công Ty.
- (iv) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại mục (ii) nêu trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị bị từ chối; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- (v) Trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

2.2.6 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

- (i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 16.6 Điều lệ Công ty;
- (ii) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại mục (i) nêu trên phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký theo quy định tại Điều 19.2 của Điều lệ.
- (iii) Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp hoặc văn bản ủy quyền có thể được Cổ đông gửi tới Công ty hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo mời họp trong vòng bốn mươi tám (48) giờ trước khi tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ;
- (iv) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

2.2.7 Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.

- (i) Cổ đông xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức được nêu tại thông báo mời họp;
- (ii) Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền dự họp có mặt;
- (iii) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2.2.8 Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ.

- (i) Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty;
- (ii) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại mục (i) nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày,

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;

- (iii) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại mục (ii) nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

2.2.9 Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung, chương trình họp. ĐHĐCĐ thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2.2.10 Cách thức biểu quyết.

- (i) Việc biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu thực hiện như sau:
- (a) Các nội dung biểu quyết được ghi trong thẻ biểu quyết sẽ được Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền hợp lệ của Cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án “tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” vào từng nội dung cần lấy ý kiến.
- (b) Các Cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong,
 - Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong;
 - Các thẻ biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:
 - Thẻ không theo mẫu do Ban Tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty;
 - Thẻ bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
 - Thẻ không có chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
 - Phiếu ghi thêm những thông tin khác ngoài phạm vi các thông tin được ghi trên phiếu theo hướng dẫn của Ban Tổ Chức, chèn thêm ký hiệu dẫn đến việc Ban kiểm phiếu không xác định được ý kiến của người bỏ phiếu;
 - Thẻ có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ;
- (c) Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác;

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (d) Trường hợp Cổ đông trong quá trình ghi thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông.
- (ii) Việc biểu quyết theo hình thức biểu quyết trực tiếp (trong trường hợp không áp dụng hình thức bỏ phiếu) thực hiện như sau: Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa hoặc Ban Tổ Chức, Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội;
- (iii) Việc bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo Quy Chế bầu cử thành viên HĐQT/BKS thông qua tại Đại hội hoặc Quy chế được gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến Cổ đông (trong trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản).

2.2.11 Cách thức kiểm phiếu.

- (i) Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề nghị và được ĐHQĐ thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu tại cuộc họp;
- (ii) Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
 - (a) Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng hoặc khu vực riêng;
 - (b) Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu;
 - (c) Kiểm tra tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết;
 - (d) Kiểm tra lần lượt từng Thẻ biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
 - (e) Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của Cổ đông có liên quan (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết);
 - (f) Niêm phong toàn bộ Thẻ biểu quyết, bàn giao lại cho Trưởng Ban kiểm phiếu.
- (iii) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
 - (a) Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập biên bản kết quả kiểm phiếu;
 - (b) Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp;
 - Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu;
 - Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ;
 - Số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng vấn đề;
 - Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của thành viên Ban kiểm phiếu.

2.2.12 Điều kiện đề nghị quyết được thông qua.

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (i) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:
 - (a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - (d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - (e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - (f) Các vấn đề khác cho Điều lệ Công ty quy định.
 - (ii) Các nghị quyết về các vấn đề khác trừ các vấn đề nêu tại mục (i) Điều 2.2.12 này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
 - (iii) Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 2.2.13 Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ, trước khi bế mạc Đại hội.
- 2.2.14 Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 15.3 của Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
- (i) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 2.2.12 (iii) Quy chế này;
 - (ii) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- 2.2.15 Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.
- (i) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - (b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - (c) Chương trình học và nội dung cuộc họp;
 - (d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (e) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - (g) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (h) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- (ii) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;
 - (iii) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2.2.16 Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.3 Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2.3.1 Trừ trường hợp được quy định tại Điều 2.2.12(i) Quy chế này, khi cần thiết vì lợi ích của Công ty và Cổ đông, Chủ tịch HĐQT có quyền tổ chức việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền.

2.3.2 Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:

- (i) Chủ tịch HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc chuẩn bị Danh sách Cổ Đông và gửi Phiếu ý kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 21.1(i) và Điều 21.2 Điều Lệ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ Đông phải ghi rõ nơi đăng tải tài liệu và Phương thức để các Cổ Đông gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công Ty.
- (ii) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích lấy ý kiến;
 - (c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (e) Phương án biểu quyết bao gồm “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - (f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
- (iii) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- (a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - (c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- (iv) HĐQT tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện BKS hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (c) Số Cổ động với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- (v) Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được công bố thông tin bất thường với Ủy ban chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- (vi) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.4 Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

- 2.4.1 Công ty có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e- GMS) hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quyết định của HĐQT hoặc khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, bạo loạn, các quyết định hạn chế/cấm từ cơ quan Nhà nước ... làm ảnh hưởng đến việc tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp;
- 2.4.2 Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ theo các hình thức như quy định tại khoản 2.4.1 nêu trên, HĐQT chịu trách nhiệm ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp, biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo hình thức họp tương ứng.

Điều 3. Hội đồng quản trị

3.1 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT.

- 3.1.1 HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- 3.1.2 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 32 của Điều lệ Công ty;
- 3.1.3 HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 32.3 Điều lệ Công ty.

3.2 Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT.

- 3.2.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT, thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (ii) Trình độ chuyên môn;
- (iii) Quá trình công tác;
- (iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- (v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- (vi) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- (vii) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

3.2.2 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty;

3.2.3 Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế này. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật;

3.2.4 Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

3.3 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT.

3.3.1 Số lượng thành viên HĐQT là từ ba (03) đến mười một (11) người. ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT cụ thể tại từng thời điểm;

3.3.2 Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

3.3.3 Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành.

Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo quy định sau:

- (i) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (ii) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
 - (iii) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.
- 3.3.4 Thành viên HĐQT bị chấm dứt tư cách thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 31.5 Điều lệ Công ty;
- 3.3.5 Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- 3.3.6 Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.
- 3.4 Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT.**
- 3.4.1 Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
- 3.4.2 Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT (nếu có) và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí, tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;
- 3.4.3 Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
- 3.4.4 Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT;
- 3.4.5 Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT (nếu có);
- 3.4.6 Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 3.5 Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT.**
- 3.5.1 Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT;
- 3.5.2 HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
- 3.5.3 Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:
- (i) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - (ii) Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - (iii) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
 - (iv) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 3.5.4 Đề nghị quy định tại khoản 3.5.3 nêu trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- 3.5.5 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3.5.3 nêu trên, Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT;
- 3.5.6 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định; Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty;
- 3.5.7 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT;
- 3.5.8 Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
- 3.5.9 Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp;

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

3.5.10 Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một số hoặc tất cả thành viên HĐQT ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:

- (i) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- (ii) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Nghị quyết HĐQT được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số thành viên dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp.

3.5.11 Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết tại cuộc họp;
- (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử,
- (v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

3.5.12 Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Người phụ trách quản trị Công ty chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

3.5.13 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

3.5.14 Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:

- (i) Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên HĐQT;
- (ii) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;
- (iii) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên HĐQT và lập ra Biên bản kiểm phiếu;
- (iv) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.

3.5.15 Biên bản họp HĐQT phải được lập theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty;

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 3.5.16 Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%), trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
- 3.6** Các tiểu ban thuộc HĐQT: HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro theo nghị quyết/quyết định của HĐQT tại từng thời điểm.
- 3.7** Người phụ trách quản trị Công ty:
- (i) HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị nội bộ tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể được miễn nhiệm bởi HĐQT theo quyết định của HĐQT mà không cần lý do cụ thể. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty sẽ được HĐQT quyết định thông qua họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành nghị quyết tương ứng.
 - (ii) Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 40 Điều Lệ.
 - (iii) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
 - (iv) Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - (a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - (b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - (d) Tham dự các cuộc họp;
 - (e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
 - (g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - (h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - (i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

- 4.1** Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS: BKS có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ Công ty.
- 4.2** Ứng cử, đề cử Thành viên BKS: Việc ứng cử, đề cử Thành viên BKS được thực hiện tương tự quy định tại Điều 41 của Điều lệ Công ty. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế này, Quy chế bầu cử, ứng cử của Công ty. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

4.3 Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu BKS:

4.3.1 Số lượng Thành viên BKS là từ ba (03) đến năm (05) người. ĐHĐCĐ quyết định cụ thể số lượng Thành viên BKS tại từng thời điểm. Nhiệm kỳ của Thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4.3.2 Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh Nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- (i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- (ii) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

4.3.3 Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- (iii) Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

4.3.4 Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- (i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- (ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty;
- (iv) Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

4.4 Việc biểu quyết bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết) hoặc bầu dồn phiếu (theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên), tùy theo quy định cụ thể tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp.

4.5 Trưởng BKS do các thành viên BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên trong các chuyên ngành kinh tế, tài

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

4.6 Trường BKS có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (i) Triệu tập cuộc họp BKS;
- (ii) Yêu cầu HĐQT, TGD và Người Quản Lý cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS; Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

4.7 Cuộc họp Ban kiểm soát:

- (i) BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.
- (ii) BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 5. Tổng Giám đốc

5.1 TGD là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, do HĐQT bổ nhiệm; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

5.2 Nhiệm kỳ của TGD không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu nhiệm kỳ của TGD đương chức hết hạn mà TGD mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của TGD đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm TGD mới được bổ nhiệm. TGD phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

5.3 TGD có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 38.4 Điều lệ Công ty;

5.4 HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGD mới thay thế;

5.5 Tiền lương và lợi ích khác của TGD: TGD được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của TGD do HĐQT quyết định, thông tin về mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan của TGD được ghi nhận tại Hợp đồng lao động. Tiền lương của TGD được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 6. Các hoạt động khác

6.1 Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS.

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 6.1.1 Chủ tịch HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cho BKS tham dự các cuộc họp HĐQT. Các Thành viên BKS có quyền tham dự các cuộc họp HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp;
 - 6.1.2 HĐQT có trách nhiệm phối hợp, hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho BKS thực hiện quy định; đồng thời chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS;
 - 6.1.3 BKS có quyền yêu cầu HĐQT cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh Nghiệp và quy định tại Điều Lệ;
 - 6.1.4 HĐQT đảm bảo tất cả các Nghị quyết/quyết định HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên BKS, đồng thời cung cấp cho các thành viên HĐQT.
- 6.2** Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD.
- 6.2.1 HĐQT đảm bảo mọi điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để TGD thực hiện tốt nhất việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - 6.2.2 TGD có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các Nghị quyết/quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề không có lợi cho Công ty, các Cổ đông, TGD có quyền kiến nghị HĐQT xem xét để điều chỉnh cho phù hợp;
 - 6.2.3 TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành Công ty và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ;
 - 6.2.4 TGD và những cán bộ quản lý khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên HĐQT được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.
- 6.3** Phối hợp hoạt động giữa BKS và TGD.
- 6.3.1 TGD có thể mời BKS tham dự cuộc họp của Ban Giám đốc (nếu xét thấy cần thiết). BKS có thể đóng góp ý kiến (nếu có) tại cuộc họp cho TGD;
 - 6.3.2 TGD thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty;
 - 6.3.3 TGD có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho BKS được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất;
 - 6.3.4 Các báo cáo của TGD trình HĐQT phải được gửi đồng thời đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến các thành viên HĐQT.

Điều 7. Quy định về đánh giá khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, BKS và TGD.

- 7.1** Căn cứ vào nội quy, quy định về khen thưởng và kỷ luật của Công ty và căn cứ theo kết quả đánh giá của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công ty, Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và các cán bộ quản lý khác có thành tích trong công tác quản lý;

PHỤ LỤC 8

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

7.2 Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, hội đồng khen thưởng kỷ luật Công ty xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

- 8.1** Quy Chế này gồm 08 điều do HĐQT tổ chức việc soạn thảo, trình ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký;
- 8.2** HĐQT, BKS, TGD chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này;
- 8.3** Những nội dung chưa được quy định trong Quy Chế này sẽ được áp dụng theo các quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành;
- 8.4** Trong quá trình thực hiện, Công ty sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung Quy chế cho phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh và tình hình quản trị nội bộ của Công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua Quy Chế tại từng thời điểm.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN SAO MAI VIỆT**

TP.Hồ Chí Minh, Tháng 03 năm 2022

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

MỤC LỤC

Chương 1	1
QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	1
Chương II	2
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	2
Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 5: Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 6. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	4
Điều 8. Chấm dứt tư cách, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Chương III.....	8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 10. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	10
Điều 12. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường	10
Điều 13. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	11
Chương IV	12
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	12
Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	14
Chương V.....	15
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	15
Điều 16. Trình báo cáo hằng năm	15

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	17
Chương VI.....	18
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 20. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc.....	18
Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	18
Chương VII	19
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	19
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	19

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng Khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công Ty áp dụng đối với Công Ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Căn cứ Điều lệ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT (“**Điều Lệ Công Ty**”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) số 02-2022/NQ/DHĐCĐ/UNI ngày 18/3/2022

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT (“**Công Ty**”).

Quy chế hoạt động của HĐQT Công Ty bao gồm các nội dung sau:

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của HĐQT quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ Công Ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công Ty.

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 2.2. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc (“TGD”) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- 3.1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, pháp luật liên quan và Điều Lệ Công Ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 3.2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và các nghĩa vụ sau:
 - (i) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;
 - (ii) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - (iii) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các tổ chức khác;
 - (iv) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - (v) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- 4.1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.
- 4.2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do theo quy định nội bộ của Công Ty tùy từng thời điểm hoặc theo yêu cầu cụ thể của HĐQT trong lần yêu cầu cung cấp thông tin đó.

Điều 5: Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 5.1. Số lượng thành viên HĐQT từ ba (03) đến mười một (11) thành viên với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 5.2. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Tổng số thành viên độc lập HĐQT của Công Ty phải đảm bảo như sau:

- (i) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên HĐQT từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
- (ii) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên HĐQT từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
- (iii) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên HĐQT từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

Điều 6. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

6.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- (i) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- (ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty;
- (iii) Thành viên Hội đồng quản trị Công Ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty khác.

6.2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- (i) Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, Công Ty mẹ hoặc Công Ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- (ii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- (iii) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công Ty; là người quản lý của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty;
- (iv) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;
- (v) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công Ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

- 6.3. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp trên trang thông tin điện tử của Công Ty để các Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên được công bố bao gồm những thông tin:

- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (ii) Trình độ chuyên môn;
- (iii) Quá trình công tác;
- (iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- (v) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;

Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công Ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 7.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn bầu ra một Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết) và được các thành viên HĐQT chấp thuận.
- 7.2. Chủ tịch HĐQT sẽ không được kiêm Tổng Giám đốc/Giám đốc của Công Ty.
- 7.3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- (i) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - (ii) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - (iii) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - (iv) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - (v) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - (vi) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.
- 7.4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
- 7.5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của HĐQT khi xét thấy cần thiết. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

người thay thế Chủ tịch HĐQT mới trong số các thành viên HĐQT còn lại trong thời hạn mười (10) ngày.

- 7.6. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
- 7.7. Trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của Luật, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch HĐQT. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.
- 7.8. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công Ty. Thư ký Công Ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 40 Điều Lệ.

Điều 8. Chấm dứt tư cách, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 8.1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị chấm dứt tư cách thành viên kể từ thời điểm phát sinh các sự kiện như sau đây, nếu:
 - (i) Thành viên HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ;
 - (ii) Thành viên HĐQT không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.
 - (iii) Các sự kiện khác làm cho thành viên không thể tham gia thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và Luật Doanh Nghiệp.
- 8.2. Tư cách thành viên HĐQT bị chấm dứt tư cách kể từ thời điểm ĐHĐCĐ ban hành Nghị Quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các trường hợp sau đây:
 - (i) Thành viên HĐQT có đơn xin từ chức, gửi đến HĐQT và được chấp thuận;
 - (ii) Không tham hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (iii) Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 8.3. Để tránh ảnh hưởng đến hoạt động bình thường và vì lợi ích cao nhất của Công Ty và Cổ Đông, khi xảy ra tình huống như quy định tại Điều 8.1 thì:
- (i) Thời điểm chấm dứt tư cách thành viên HĐQT là thời điểm HĐQT hoặc Công Ty xác định hoặc biết được sự kiện là căn cứ chấm dứt tư cách thành viên như được quy định tại Điều 8.1.
 - (ii) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên chấm dứt tư cách thành viên HĐQT, HĐQT phải công bố công khai thông tin về sự việc trên các phương tiện thông tin đại chúng của Công Ty.
 - (iii) ĐHĐCĐ giao cho HĐQT nhanh chóng tìm kiếm và bầu bổ sung một hoặc nhiều thành viên để thay thế các thành viên HĐQT đã bị khuyết bằng một quyết định của HĐQT nhằm mục đích duy trì các hoạt động ổn định, bình thường của HĐQT.
 - (iv) HĐQT sẽ triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sớm nhất để phê duyệt việc bầu bổ sung thành viên của HĐQT.
 - (v) Thành viên HĐQT được bầu bổ sung có đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và Luật Doanh nghiệp cho đến khi có quyết định phê duyệt của ĐHĐCĐ. Trường hợp thành viên HĐQT được bầu bổ sung không được ĐHĐCĐ phê duyệt thì mọi quyết định, hành động trong thời gian làm việc với tư cách thành viên HĐQT theo quyết định của HĐQT đương nhiệm vẫn có hiệu lực thi hành.
- 8.4. HĐQT có trách nhiệm tiến hành các thủ tục hợp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và bầu thành viên mới thay thế thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong thời gian sớm nhất.
- 8.5. HĐQT phải triệu tập họp hoặc lấy ý kiến ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 160 Luật Doanh Nghiệp khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- (i) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số thành viên HĐQT đương nhiệm. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc chấp thuận yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ của Cổ Đông/nhóm Cổ Đông đủ điều kiện trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - (ii) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này;
- 8.6. Khi một thành viên HĐQT chấm dứt tư cách thành viên bất kể lý do hoặc hết nhiệm kỳ hoặc tất cả các thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 8.7. Việc thay đổi các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 9.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
- (i) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - (ii) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.
- 9.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ Công Ty.
- 9.3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết) hoặc bầu dồn phiếu (theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên), tùy theo quy định cụ thể tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ Công Ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ Công Ty.
- 9.4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu, trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt tư cách thành viên được quy định tại Điều 8.1.

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 10.1. HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 10.2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định bởi pháp luật, Điều Lệ Công Ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có những quyền và nghĩa vụ như sau:
 - (i) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;
 - (ii) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Kiến nghị mức cổ tức được trả hằng năm;
 - (iii) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
 - (iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và Người Quản Lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người Quản Lý đó;
 - (v) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - (vi) Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - (vii) Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức nhiều hình khác tùy thuộc vào bối cảnh và điều kiện, chào bán chứng khoán không phải là cổ phiếu;
 - (viii) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - (ix) Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công Ty;
 - (x) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và quyết định mức giá mua lại cổ phần;
 - (xi) Quyết định phương án đầu tư, hợp tác kinh doanh trong phạm vi các ngành nghề, kinh doanh của Công Ty, sắp xếp/tổ chức lại tài sản của Công Ty;
 - (xii) Quyết định việc mở rộng, thu hẹp, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư và các vấn đề khác có liên quan đến các dự án mà Công Ty đang làm chủ đầu tư, phát triển và kinh doanh;
 - (xiii) Quyết định bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - (xiv) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (xv) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- (xvi) Quyết định việc vay vốn, cho vay vốn và các giao dịch tài chính khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công Ty; Quyết định việc giao kết, thực hiện biện pháp đảm bảo như thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường phát sinh trong quá trình quản lý vận hành, hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (xvii) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên Quan được quy định tại Điều Lệ Công Ty và pháp luật có liên quan.
- (xviii) Quyết định việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty, thành lập các công ty con của Công Ty và đưa ra các quyết định quản lý, điều hành, định đoạt tài sản trong chi nhánh, văn phòng đại diện và công ty con;;
- (xix) Quyết định việc mua hoặc bán cổ phần/phần vốn góp trong các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; quyết định cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Công Ty, ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở các doanh nghiệp nêu trên, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó và đưa ra các quyết định quản lý, điều hành, định đoạt phần vốn góp/tài sản theo quy định của pháp luật trong các doanh nghiệp mà Công Ty sở hữu vốn;
- (xx) Quyết định việc định giá các tài sản không phải bằng tiền góp vào Công Ty và các tài sản không phải bằng tiền mà Công Ty dùng để góp vốn vào các Công Ty khác (bao gồm công ty con và các công ty khác) bao gồm nhưng không giới hạn đến vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.
- (xxi) Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh /hoặc các khoản đầu tư vượt quá kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- (xxii) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
- (xxiii) Quyết định cơ cấu quản trị điều hành, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (xxiv) Trong phạm vi nội dung được ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt và hủy bỏ các hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công Ty và liên doanh);
- (xxv) Quyết định tổng số lao động và quỹ lương của Công Ty.
- (xxvi) Các quyền khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và pháp luật có liên quan.

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 10.3. HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người quản lý Công Ty khác để thực hiện một hoặc nhiều trách nhiệm thuộc phạm vi quyền và trách nhiệm của HĐQT khi cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 10.4. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công Ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 10.5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều Lệ Công Ty gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- 11.1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 47.5 Điều Lệ.
- 11.2. Người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch đó phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 12. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

- 12.1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:
 - (i) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
 - (ii) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3 Điều Lệ;
 - (iv) Theo yêu cầu của BKS;
 - (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty và pháp luật.
- 12.2. Cách thức triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.
 - (i) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu như quy định tại Điều 12.1 (c), (d).

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (ii) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 - (iii) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại Điều 15.3 Điều Lệ có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.
- 12.3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
- (i) Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - (ii) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - (iii) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (iv) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - (v) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - (vi) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - (vii) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
 - (viii) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 13. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

- 13.1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT đề ra. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 13.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 14.1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 14.2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
- 14.3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:
 - (i) Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - (ii) Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - (iii) BKS;
 - (iv) Thành viên HĐQT độc lập.
- 14.4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 03 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty, người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 14.5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.
- 14.6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT ; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 14.7. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

- 14.8. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 14.9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số các thành viên HĐQT chấp thuận.
- 14.10. Biểu quyết: Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết, trừ trường hợp biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty, thành viên HĐQT đó không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- 14.11. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Quy chế này;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - (v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo hướng dẫn của người triệu tập họp tùy từng thời điểm.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- 14.12. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định. Nghị quyết của HĐQT được ban hành trên cơ sở kết quả biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 14.13. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - (i) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- 14.14. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều Lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.
- 14.15. Nghị quyết của HĐQT được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến hoặc hình thức khác khi đủ điều kiện theo quy định tại khoản 14.13 Điều này và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp. Trong thời gian sớm nhất, các thành viên HĐQT phải bổ sung biên bản họp có đầy đủ chữ ký.
- 14.16. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo thủ tục sau:
- (i) Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên HĐQT ;
 - (ii) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong phiếu lấy ý kiến;
 - (iii) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên HĐQT và lập ra biên bản kiểm phiếu;
 - (iv) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành nghị quyết của HĐQT về vấn đề đã được các thành viên thông qua.
- Nghị quyết HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
- 14.17. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT được 100% số thành viên HĐQT trực tiếp và ủy quyền tham dự là hợp lệ và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không thực hiện như đúng quy định tại Điều Lệ và pháp luật có liên quan.
- 14.18. Việc thực thi quyết định của HĐQT hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 15.1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Thời gian, địa điểm họp;
 - (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản và các thành viên HĐQT khác (nếu thuận tiện), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
- 15.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- 15.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
- 15.4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 15.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

- 16.1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
- (i) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
 - (ii) Báo cáo tài chính kiểm toán;
 - (iii) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
 - (iv) Báo cáo thẩm định của BKS.
- 16.2. Báo cáo quy định tại các điểm (i), (ii) và (iii) của Điều 16.1 phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 16.3. Báo cáo quy định tại Điều 16.1 Quy chế này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.
- 16.4. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh Nghiệp và đảm bảo những nội dung như sau:
- (i) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh Nghiệp;
 - (ii) Tổng kết các cuộc họp HĐQT và quyết định HĐQT;
 - (iii) Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm giữ quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều Lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - (iv) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 17.1. Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 17.2. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT theo các nguyên tắc sau: Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- 17.3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
- 17.4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 17.5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHCĐ.
- 17.6. Thành viên HĐQT có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ.
- 17.7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, công ty con, công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công Ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều Lệ Công Ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công Ty được thực hiện theo quy định sau đây:

- 18.1. Thành viên HĐQT của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - (i) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - (ii) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 18.2. Việc kê khai quy định tại Điều 18.1 phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 18.3. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và Người Có Liên Quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
- 18.4. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- 19.1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 19.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định pháp luật, Điều Lệ Công Ty và Quy chế này.
- 19.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để TGD và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

- 21.1. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT và BKS theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 21.2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

PHỤ LỤC 9

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của HĐQT Công Ty bao gồm 07 chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2022.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT**

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2022

MỤC LỤC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	1
Chương II.....	2
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Chương III.....	4
BAN KIỂM SOÁT.....	4
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	4
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	6
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.....	6
Chương IV.....	7
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	7
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	7
Chương V	7
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	7
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	7
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	8
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	8

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Chương VI.....	9
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	9
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	9
Điều 21. Mối quan hệ với HĐQT	9
Chương VII	9
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	9
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	9

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU
TU VÀ PHÁT TRIỂN SAO
MAI VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

-----o0o-----

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều Lệ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số số 02-2022/NQ/ĐHĐCĐ/UNI ngày 18/3/2022, Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ Công Ty và các quy định khác có liên quan.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

- 3.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều Lệ Công Ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 3.2 Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty.
- 3.3 Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 3.4 Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ Công Ty.
- 3.5 Trường hợp vi phạm quy định tại các Điều 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 này mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công Ty.
- 3.6 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

- 4.1 Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 4.2 Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.
- 4.3 Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 4.4 Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 5.1 Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- 5.2 Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- 5.3 Không phải là người có quan hệ gia đình của chủ tịch Hội đồng quản trị (“**HDQT**”), thành viên HDQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác theo quy định tại Điều Lệ;
- 5.4 Không phải là người quản lý Công Ty (bao gồm chủ tịch HDQT, thành viên HDQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác theo quy định tại Điều Lệ);
- 5.5 Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Công Ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn góp tại công ty mẹ và tại Công Ty;
- 5.6 Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công Ty;

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 5.7 Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
- 5.8 Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

- 6.1 Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 6.2 Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 6.3 Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 42.7 Điều Lệ Công Ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- 7.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - (i) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - (ii) Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- 7.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 8.1 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 8.2 Việc biểu quyết bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết) hoặc bầu dồn phiếu (theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên), tùy theo quy định cụ thể tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp.
- 8.3 Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ Công Ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ Công Ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

9.1 ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

- (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 42.2 Điều Lệ Công Ty;
- (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- (iii) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

9.2 ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- (i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- (ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ Công Ty;
- (iv) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

10.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (ii) Trình độ chuyên môn;
- (iii) Quá trình công tác;
- (iv) Các chức danh quản lý khác;
- (v) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;

10.2 Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

11.1 Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.

11.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 11.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
- 11.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty.
- 11.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3 Điều Lệ.
- 11.6 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3 Điều Lệ, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 11.7 Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 11.8 Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 11.9 Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công Ty.
- 11.10 Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 11.11 Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- 11.12 Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo đề nghị của cổ đông.
- 11.13 Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.
- 11.14 Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- 11.15 Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT.
- 11.16 Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 11.17 Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết.
- 11.18 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 11.19 Giám sát tình hình tài chính Công Ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.
- 11.20 Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.
- 11.21 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ Công Ty của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 11.22 Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.
- 11.23 Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 11.24 Trường Ban kiểm soát điều hành đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 11.25 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ Công Ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 12.1 Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
 - (i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
 - (ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - (iii) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành.
- 12.2 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.
- 12.3 HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ

- 13.1 Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - (ii) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3 (i) Điều Lệ Công Ty;
 - (iii) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của Ban kiểm soát nhưng HĐQT không thực hiện; và
 - (iv) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ, pháp luật doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.

- 13.2 Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 13.1 này sẽ được Công Ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

- 14.1 Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
- 14.2 Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 16.1 Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 16.2 Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
- 16.3 Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
- 16.4 Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty.
- 16.5 Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn Điều Lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 16.6 Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.
- 16.7 Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 16.8 Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 17.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- 17.2 Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
- 17.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

- 18.1 Thành viên Ban kiểm soát của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- (i) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - (ii) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều Lệ.
- 18.2 Việc kê khai theo quy định tại Điều 18.1 phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 18.3 Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.
- 18.4 Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn Điều Lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 18.5 Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều Lệ Công Ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công Ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với HĐQT

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với HĐQT Công Ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát *CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT* bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/3/2022

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT**

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2022

MỤC LỤC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	1
Chương II.....	2
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Chương III.....	4
BAN KIỂM SOÁT.....	4
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	4
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	6
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.....	6
Chương IV.....	7
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	7
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	7
Chương V	7
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	7
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	7
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	8
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	8

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Chương VI.....	9
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	9
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	9
Điều 21. Mối quan hệ với HĐQT	9
Chương VII	9
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	9
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	9

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU
TU VÀ PHÁT TRIỂN SAO
MAI VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

-----o0o-----

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều Lệ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số số 02-2022/NQ/ĐHĐCĐ/UNI ngày 18/3/2022, Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ Công Ty và các quy định khác có liên quan.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

- 3.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều Lệ Công Ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 3.2 Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty.
- 3.3 Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 3.4 Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ Công Ty.
- 3.5 Trường hợp vi phạm quy định tại các Điều 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 này mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công Ty.
- 3.6 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

- 4.1 Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 4.2 Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.
- 4.3 Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 4.4 Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 5.1 Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- 5.2 Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- 5.3 Không phải là người có quan hệ gia đình của chủ tịch Hội đồng quản trị (“**HDQT**”), thành viên HDQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác theo quy định tại Điều Lệ;
- 5.4 Không phải là người quản lý Công Ty (bao gồm chủ tịch HDQT, thành viên HDQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác theo quy định tại Điều Lệ);
- 5.5 Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Công Ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn góp tại công ty mẹ và tại Công Ty;
- 5.6 Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công Ty;

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 5.7 Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
- 5.8 Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

- 6.1 Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 6.2 Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 6.3 Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 42.7 Điều Lệ Công Ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- 7.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - (i) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - (ii) Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- 7.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 8.1 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 8.2 Việc biểu quyết bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết) hoặc bầu dồn phiếu (theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên), tùy theo quy định cụ thể tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp.
- 8.3 Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ Công Ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ Công Ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

9.1 ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

- (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 42.2 Điều Lệ Công Ty;
- (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- (iii) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

9.2 ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- (i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- (ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ Công Ty;
- (iv) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

10.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (ii) Trình độ chuyên môn;
- (iii) Quá trình công tác;
- (iv) Các chức danh quản lý khác;
- (v) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;

10.2 Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

11.1 Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.

11.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 11.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
- 11.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty.
- 11.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3 Điều Lệ.
- 11.6 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3 Điều Lệ, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 11.7 Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 11.8 Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 11.9 Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công Ty.
- 11.10 Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 11.11 Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- 11.12 Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo đề nghị của cổ đông.
- 11.13 Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.
- 11.14 Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- 11.15 Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT.
- 11.16 Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 11.17 Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết.
- 11.18 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 11.19 Giám sát tình hình tài chính Công Ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.
- 11.20 Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.
- 11.21 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ Công Ty của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 11.22 Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.
- 11.23 Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 11.24 Trường Ban kiểm soát điều hành đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 11.25 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ Công Ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 12.1 Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
 - (i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
 - (ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - (iii) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành.
- 12.2 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.
- 12.3 HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ

- 13.1 Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - (ii) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3 (i) Điều Lệ Công Ty;
 - (iii) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của Ban kiểm soát nhưng HĐQT không thực hiện; và
 - (iv) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ, pháp luật doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.

- 13.2 Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 13.1 này sẽ được Công Ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

- 14.1 Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
- 14.2 Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 16.1 Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 16.2 Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
- 16.3 Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
- 16.4 Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty.
- 16.5 Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn Điều Lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 16.6 Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.
- 16.7 Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 16.8 Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 17.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- 17.2 Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
- 17.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

- 18.1 Thành viên Ban kiểm soát của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- (i) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - (ii) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều Lệ.
- 18.2 Việc kê khai theo quy định tại Điều 18.1 phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 18.3 Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.
- 18.4 Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn Điều Lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

- 18.5 Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều Lệ Công Ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công Ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với HĐQT

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với HĐQT Công Ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát *CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT* bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/3/2022

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 11

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE

29 Võ Thị sáu, phường ĐaKao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947

Fax: (028) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn

Website: www.aascs.com.vn



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
1. Bảng cân đối kế toán	07 - 10
2. Kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
4. Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 44



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Liên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn Liên được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 223/GP ngày 02/03/1993 do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059051 ngày 05/03/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 29/07/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: A3.4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, xây dựng và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại). Cho thuê cơ sở hạ tầng.

Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten). Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Tư vấn đấu thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình viễn thông và tin học. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, bưu chính viễn thông.

Lắp đặt hệ thống cáp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Lắp đặt hệ thống Xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp.

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây lắp công trình đường bộ.

Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây lắp công trình bưu chính viễn thông.

Lắp đặt hệ thống điện.

Sửa chữa thiết bị liên lạc. Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông.

Đại lý, môi giới đầu giá. Chi tiết: Đại lý kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông. Đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông.

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng điện lạnh. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành).

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán thiết bị đầu cuối viễn thông; cáp, thiết bị viễn thông.

Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình. Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị điện lạnh.

Hoạt động viễn thông có dây. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ internet (ISP)

Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ tiếp thị.

Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng.

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 là **17.533.263 VND** (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 là **593.326.645 VND**).

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2021 là **5.466.336.299 VND** (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2020 là **5.448.803.036 VND**).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính được trình bày đầy đủ tại Mục VIII.2 phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Cao Phong	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 09/02/2022
Ông Phạm Đình Dũng	Thành viên	
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên	Từ nhiệm ngày 09/02/2022

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Như Mai	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/02/2022
Ông Phạm Đình Dũng	Tổng giám đốc	Từ nhiệm ngày 08/02/2022

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Bà Trần Thị Phương Lan		Từ nhiệm ngày 09/02/2022
------------------------	--	--------------------------

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Nhân		Từ nhiệm ngày 08/02/2022
--------------------	--	--------------------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- ❖ Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Liên phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

TP. HCM, ngày 07 tháng 02 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc



PHẠM ĐÌNH DŨNG

Tổng Giám đốc



Số: 144 /BCKT-TC/2022/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi :** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn Liên được lập ngày 28/01/2022 từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn Liên tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VIII.5 "Hoạt động liên tục" trong báo cáo tài chính: Tại thời điểm 31/12/2021 Nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 95.131.896.732 đồng, như vậy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty sẽ gặp khó khăn. Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty sẽ được cải thiện do Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoán đổi nợ vay thành cổ phiếu (Thuyết minh V.11 và VIII.1.b).

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính của vấn đề này.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc



LÊ VĂN TUẤN

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0479-2018-142-1

TP. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Kiểm toán viên

TRẦN NGUYỄN HOÀNG MAI

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 1755-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.330.894.857	9.698.635.268
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	921.532.941	5.716.838.335
1. Tiền	111		921.532.941	5.716.838.335
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		381.812.852	2.028.721.011
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	334.059.284	521.112.565
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	-	1.045.982.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	154.990.368	568.862.846
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(107.236.800)	(107.236.800)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	6.807.624	30.256.691
1. Hàng tồn kho	141		6.807.624	30.256.691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.020.741.440	1.922.819.231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.9	2.020.494.425	1.922.572.216
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.14	247.015	247.015
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		258.346.243.061	170.522.181.939
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.237.218.008	3.422.201.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.237.218.008	3.422.201.896
- Nguyên giá	222		3.699.677.728	4.749.278.646
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(462.459.720)	(1.327.076.750)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	255.109.025.053	167.084.704.774
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		11.445.586.487	11.445.586.487
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		243.663.438.566	155.639.118.287
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	15.275.269
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	15.275.269
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		261.677.137.918	180.220.817.207

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		98.462.791.589	20.733.924.141
I Nợ ngắn hạn	310		98.462.791.589	20.633.924.141
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	601.450.881	776.372.779
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.578.960.000	4.625.021.203
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	11.676.701	104.683.892
4. Phải trả người lao động	314		252.984.840	265.551.977
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.617.769.871	48.108.219
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	399.949.296	614.186.071
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	90.000.000.000	14.200.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II Nợ dài hạn	330		-	100.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	-	100.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163.214.346.329	159.486.893.066
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	163.214.346.329	159.486.893.066
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		156.176.320.000	156.176.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.176.320.000	156.176.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.476.860.000	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	(2.233.060.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		94.830.030	94.830.030
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		5.466.336.299	5.448.803.036
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.448.803.036	4.855.476.391
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.533.263	593.326.645
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		261.677.137.918	180.220.817.207

3050172
CÔNG
TNHH
DỊCH VỤ TƯ
VẤN CHÍNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM T
PHÍA NA
1 - T.P.H

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NHÀN

NGUYỄN THỊ NHÀN

PHẠM ĐÌNH DŨNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	828.017.552	3.743.586.811
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		828.017.552	3.743.586.811
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	590.857.005	3.931.519.259
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		237.160.547	(187.932.448)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9.989.022	1.079.803.423
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	-	(504.230.562)
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	103.932.878
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8b	44.035.608	163.281.697
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8a	391.367.067	541.694.671
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(188.253.106)	691.125.169
11. Thu nhập khác	31	VI.6	215.561.203	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	5.951.701	1.041.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		209.609.502	(1.041.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.356.396	690.084.169
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	3.823.133	96.757.524
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		17.533.263	593.326.645
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1	39
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1	39

Người lập biểu


NGUYỄN THỊ NHÂN

Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ NHÂN

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

ST T	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	21.356.396	690.084.169
2	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	184.983.888	184.983.888
	Các khoản dự phòng	03	-	(814.845.034)
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.489.022)	(1.079.803.423)
	Chi phí lãi vay	06	-	103.932.878
	Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	195.851.262	(915.647.522)
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.548.985.950	28.929.170.103
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	23.449.067	767.143.039
	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(890.567.640)	(289.040.892)
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	15.275.269	30.550.548
	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
	Tiền lãi vay đã trả	14	-	(306.824.662)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(93.057.846)	(48.333.172)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	799.936.062	28.167.017.442
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(85.104.521.642)	(39.233.002.806)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	500.000	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(14.000.000.000)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

ST T	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	18.810.750.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.989.022	184.053.423
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(85.094.032.620)	(34.238.199.383)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.709.920.000	-
2	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3	Tiền thu từ đi vay	33	75.800.000.000	16.500.000.000
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(5.000.000.000)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.128.836)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	79.498.791.164	11.500.000.000
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (20+30+40)	50	(4.795.305.394)	5.428.818.059
1	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.716.838.335	288.020.276
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
2	Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	921.532.941	5.716.838.335

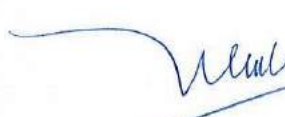
011729-
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ TÍNH
KIỂM TOÁN
MIỀN NAM
TP. HỒ C

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ NHÂN


NGUYỄN THỊ NHÂN


PHẠM ĐÌNH DŨNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn Liên được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 223/GP ngày 02/03/1993 do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059051 ngày 05/03/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 29/07/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: A3.4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh bất động sản, xây dựng và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại). Cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten). Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Tư vấn đấu thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình viễn thông và tin học. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, bưu chính viễn thông.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống Xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây lắp công trình đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây lắp công trình bưu chính viễn thông.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Sửa chữa thiết bị liên lạc. Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông.
- Đại lý, môi giới đầu giá. Chi tiết: Đại lý kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông. Đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng điện lạnh. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành).
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán thiết bị đầu cuối viễn thông; cáp, thiết bị viễn thông.
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình. Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị điện lạnh.
- Hoạt động viễn thông có dây. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ internet (ISP)
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ tiếp thị.
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Trong năm 2021, Công ty CP Viễn Liên đã hoàn tất việc bán 301.600 cổ phiếu quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Do ảnh hưởng của tình hình dịch Covid-19, doanh thu của Công ty bị sụt giảm 77,88% so với cùng kỳ năm trước.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con: Không có
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: không có
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có

7. Số lao động bình quân: 14 người

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

- Không áp dụng

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : không áp dụng

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền : không áp dụng

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính :

a. Chứng khoán kinh doanh:

Không áp dụng

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c. Đối với các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ

d. Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu thì chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó; Nếu các đơn vị được đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

đ. Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Không áp dụng

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

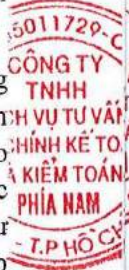
- Giao dịch hoán đổi cổ phiếu : không phát sinh
- Giao dịch đầu tư dưới hình thức góp vốn: không phát sinh
- Giao dịch dưới hình thức mua lại phần vốn góp: không phát sinh
- Phương pháp kế toán đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu: không phát sinh

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu :

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, trích lập dự phòng theo tỷ lệ



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, Tài sản cố định thuê tài chính, Bất động sản đầu tư

a. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình được áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 do Bộ Tài Chính ban hành.

b. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định thuê tài chính

- Tài sản cố định thuê tài chính: Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính.

c. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Bất động sản đầu tư được tính trích khấu hao như tài sản cố định của công ty.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh : không phát sinh

10. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : không phát sinh

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm : tiền lương tháng 13

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Chi phí trả trước được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để phân bổ hợp lý.
- Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả :

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- + Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- + Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- + Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty không đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Công ty không ghi nhận nợ phải trả thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty không lập dự phòng nợ phải trả.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính :

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Công ty không phát sinh nghiệp vụ vốn hóa chi phí đi vay.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

- Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Công ty không phát sinh Dự phòng phải trả

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Doanh thu chưa thực hiện gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Công ty không phát sinh Doanh thu chưa thực hiện

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- + Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- + Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu, sau khi trừ (-) khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này.

Tại công ty chỉ phát sinh nghiệp vụ ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ đánh giá lại tài sản.

c. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư).

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ chênh lệch tỷ giá

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Công ty thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ. Trường hợp bán hàng trả chậm thì phần lãi trả chậm được hoãn lại ở khoản mục "Doanh thu chưa thực hiện" và sẽ ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi đến hạn thu được khoản tiền lãi này.

11729-C
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ TÍNH
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
T.P. HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành/ hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm theo nguyên tắc:

- + Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kỳ này.
- + Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kỳ sau.

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- + Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- + Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- + Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty.

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



ĐVT : VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán		
1. Tiền và các khoản tương đương tiền :	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ (*)	11.727.412	12.782.464
Tiền gửi ngân hàng (**)	909.805.529	5.704.055.871
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank)- Chi nhánh Sài Gòn	-	2.610.639
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN-CN HCM - VND	44.937.029	73.665.196
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Sài Gòn	861.853.416	85.798.694
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Tp.HCM	3.015.084	5.540.874.319
- Ngân hàng khác	-	1.107.023
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng	921.532.941	5.716.838.335



Ghi chú:

(*) Số liệu tiền mặt được trình bày tại phần thuyết minh này căn cứ vào sổ quỹ tiền mặt và biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 31/12/2021.

(**) Số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2021 phù hợp giữa sổ kế toán chi tiết của Công ty với sổ phụ các Ngân hàng giao dịch.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
2. Phải thu của khách hàng	334.059.284	521.112.565
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	-	211.283.463
Công ty TNHH Phát Triển Phú Mỹ Hưng	-	211.283.463
Công ty TNHH MTV Hoàng Gia Phú Quốc	253.000.000	164.331.533
Ban quản lý Dự án Tây thành phố - Viễn Thông Tp.HCM	81.059.284	81.059.284
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	64.438.285
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	334.059.284	521.112.565
3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	1.045.982.400
Công ty CP Phan Thủy Phú Quốc	-	500.000.000
Công ty TNHH TM DV XD PT Tài Phát Lộc	-	410.302.400
- Các khoản trả trước cho người bán khác	-	135.680.000
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	-	1.045.982.400



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

A3.4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (107.236.800)	Giá trị	Dự phòng (107.236.800)
4. Phải thu khác				
a. Ngân hạn	154.990.368		568.862.846	
- Tạm ứng	39.900.000	-	300.000.000	-
- Phải thu khác (*)	115.090.368	(107.236.800)	268.862.846	(107.236.800)
b. Dài hạn				
Cộng	154.990.368	(107.236.800)	568.862.846	(107.236.800)

Ghi chú:

(*) Chi tiết phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (107.236.800)	Giá trị	Dự phòng (107.236.800)
Phải thu Yên Linh	107.236.800		107.236.800	
Thuế TNCN phải thu lại	7.853.568	-	11.626.046	-
Tạm ứng thi công công trình Phú Quốc	-	-	150.000.000	-
Cộng	115.090.368	(107.236.800)	268.862.846	(107.236.800)

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán	107.236.800	-	107.236.800	-
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-
Cộng	107.236.800	-	107.236.800	-

Yên Linh



	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
6. Hàng tồn kho				
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	7.118.650	-
- Hàng hóa	6.807.624	-	23.138.041	-
Tổng	6.807.624	-	30.256.691	-

Ghi chú:

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.
Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.
Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không phát sinh.

7. Tài sản dở dang dài hạn

Khoản mục

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn				
Phí công chứng hồ sơ đất	35.806.000	35.806.000	35.806.000	35.806.000
Lệ phí trước bạ nhà đất	61.346.250	61.346.250	61.346.250	61.346.250
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án của Công ty TNHH MTV Du Lịch Thương Mại Kiên Giang	11.348.434.237	11.348.434.237	11.348.434.237	11.348.434.237
Cộng	11.445.586.487	11.445.586.487	11.445.586.487	11.445.586.487

b. Xây dựng cơ bản dở dang

- Xây dựng cơ bản (*)

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Xây dựng cơ bản (*)	243.663.438.566		155.639.118.287	
Cộng	243.663.438.566		155.639.118.287	
Số cuối năm			Số đầu năm	
	49.250.091.900		49.250.091.900	

(*) Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang

- Tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư, xây dựng Khu dân cư và biệt thự cao cấp Viễn Liên tại ấp Rạch Hâm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang - Theo quyết toán của Ban Bồi Thường Hồ Trợ & Tái Định Cư - UBND Huyện Phú Quốc
- Tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư, xây dựng Khu dân cư và biệt thự cao cấp Viễn Liên tại ấp Rạch Hâm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang - Kinh phí phục vụ công tác



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

A3.4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Số cuối năm	Số đầu năm
(*) Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang		
- Tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư, xây dựng Khu dân cư và biệt thự cao cấp Viễn Liên tại ấp Rạch Hâm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang - Viễn Liên hỗ trợ trực tiếp UBND Xã xác nhận	4.206.586.745	4.206.586.745
- Tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư, xây dựng Khu dân cư và biệt thự cao cấp Viễn Liên tại ấp Rạch Hâm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang - Hỗ trợ tiền thuê nhà	564.000.000	-
- Tiền sử dụng đất dự án đầu tư, xây dựng Khu dân cư và biệt thự cao cấp Viễn Liên tại ấp Rạch Hâm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	96.294.557.672	44.500.000.000
- Tiền chám nộp tiền sử dụng đất dự án đầu tư, xây dựng Khu dân cư và biệt thự cao cấp Viễn Liên tại ấp Rạch Hâm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	29.951.767.452	-
- Chi phí lãi vay	2.967.906.856	-
- Chi phí đầu tư dự án đầu tư, xây dựng Khu dân cư và biệt thự cao cấp Viễn Liên tại ấp Rạch Hâm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	59.928.527.941	57.182.439.642
Cộng	243.663.438.566	155.639.118.287
8. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	-	15.275.269
b) Dài hạn	-	15.275.269
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	15.275.269
Cộng		
9. Tài sản khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	2.020.494.425	1.922.572.216
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.020.494.425	1.922.572.216
b. Dài hạn	-	-
Cộng	2.020.494.425	1.922.572.216



10. Tăng giảm Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	3.699.677.728	1.049.600.918	-	-	-	4.749.278.646
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.049.600.918)	-	-	-	(1.049.600.918)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.699.677.728	-	-	-	-	3.699.677.728
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	277.475.832	1.049.600.918	-	-	-	1.327.076.750
- Khấu hao trong năm	184.983.888	-	-	-	-	184.983.888
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.049.600.918)	-	-	-	(1.049.600.918)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	462.459.720	-	-	-	-	462.459.720
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu năm	3.422.201.896	-	-	-	-	3.422.201.896
- Tại ngày cuối năm	3.237.218.008	-	-	-	-	3.237.218.008

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: - VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.049.600.918 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: - VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

A3.4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11. Vay và nợ thuế tài chính

Khoản mục	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	90.000.000.000	90.000.000.000	75.800.000.000	-	14.200.000.000	14.200.000.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000	75.800.000.000	-	14.200.000.000	14.200.000.000

c. Các khoản nợ thuế tài chính: Không có.

d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: Không có.

đ. Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan :

(a) Chi tiết vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2021

Đối tượng	Hợp đồng	Dư nợ gốc vay 30/06/2021 VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn
Vay ngắn hạn				
- Bà Nguyễn Thị Phương Thùy - Người có liên quan của Tổng Giám đốc Công ty CP Viễn Liên	01/2020/HHTD-PT-VL ngày 21/09/2020	80.000.000.000	3,5%/năm	Không xác định thời hạn
- Công ty CP TK XL Viễn Đông	02-2021/HHTD /VD-VL ngày 02/06/2021; Phụ lục hợp đồng 02-2021/PLHHTD2021/VD-VL ngày 31/12/2021	10.000.000.000	6%/năm	31/03/2022

Cộng

90.000.000.000

(*) Hợp đồng vay số 01/2020/HHTD-PT-VL ngày 21/09/2020.

Nợ gốc vay

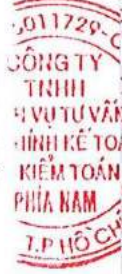
80.000.000.000 đồng

Nợ gốc vay đã giải ngân

80.000.000.000 đồng

Lãi suất vay

3,5%/ năm



Không xác định

Ngày đáo hạn

Trả gốc và lãi vốn vay:

Toàn bộ vốn gốc cho vay sẽ được trả làm 01 đợt, hoặc chuyển thành cổ phần khi Công ty Cổ phần Viên Liên thực hiện phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược hoặc chủ nợ theo phương án do Đại hội Đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

Tiền lãi được Bên Vay trả cho Bên cho Vay một (01) lần vào cuối kỳ.

Nợ gốc vay đã được giải ngân đến ngày 02/02/2021 là 80.000.000.000 đồng.

Mục đích vay: Để hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất cho Cục Thuế Tỉnh Kiên Giang và bổ sung vốn lưu động của Công ty trong thời gian tới.

Khoản vay này tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc "Ủy quyền cho

Tổng Giám Đốc - Ông Phạm Đình Dũng - ký hợp đồng vay ngắn hạn cá nhân và giải quyết các thủ tục pháp lý có liên quan. Nghị quyết này do Ông Phạm

Đình Dũng, thay mặt thành viên Hội đồng quản trị đã ký.

Biên bản Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 đã thảo luận và Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2021 ngày 26/12/2021 đã thông qua phương án

phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ vay thành cổ phiếu.

(*) Hợp đồng vay số 02/2021/HĐVTĐ/VĐ-VL ngày 02/06/2021; Phụ lục hợp đồng 02-2021/PLHĐVTĐ2022/VĐ-VL ngày 31/12/2021

Nợ gốc vay

Nợ gốc vay đã giải ngân

Lãi suất vay

Ngày đáo hạn

Trả gốc và lãi vốn vay:

Toàn bộ vốn gốc cho vay sẽ được trả làm 01 đợt.

Tiền lãi được Bên Vay trả cho Bên cho Vay một (01) lần vào cuối kỳ.

Mục đích vay: Nộp dứt điểm phần còn lại tiền chำ nộp cho Cục Thuế Tỉnh Kiên Giang.

Khoản vay này tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 37/HĐQT-2021 ngày 31/05/2021 đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc "Ủy quyền cho

Tổng Giám Đốc - Ông Phạm Đình Dũng - ký hợp đồng vay ngắn hạn cho Công ty CP Viên Liên với Công ty CP Thiết Kế Xây Lấp Viên Đông" tại Biên bản

hợp Hội đồng Quản trị số 36/HĐQT-21 ngày 31/05/2021.

10.000.000.000 đồng

10.000.000.000 đồng

6% năm

31/03/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

13.4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12. Phải trả người bán

Khoản mục	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	172.271.417	172.271.417	697.330.300	697.330.300
Công ty TNHH MTV DV XD Ngọc Tuyền	-	-	200.000.000	200.000.000
Công ty CP VPP Viễn Liên	-	-	133.575.420	133.575.420
Công ty TNHH MTV Hoàng Gia Phú Quốc	-	-	191.483.463	191.483.463
Công ty CP May Diêm Sài Gòn	172.271.417	172.271.417	172.271.417	172.271.417
<i>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</i>	-	-	-	-
<i>d. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	429.179.464	429.179.464	79.042.479	79.042.479
Công ty CP Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông	429.179.464	429.179.464	79.042.479	79.042.479
Cộng	601.450.881	601.450.881	776.372.779	776.372.779

13. Người mua trả tiền trước

Khoản mục	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	4.578.960.000	4.578.960.000	4.625.021.203	4.625.021.203
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Trần Thị Thanh	810.480.000	810.480.000	810.480.000	810.480.000
Huỳnh Văn Minh	810.480.000	810.480.000	810.480.000	810.480.000
Ông Cao Văn Út	920.000.000	920.000.000	920.000.000	920.000.000
Ông Nguyễn Tấn Sỹ	738.000.000	738.000.000	738.000.000	738.000.000
Ông Ngô Thanh Hiếu	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
- Các đối tượng người mua trả trước ngắn hạn khác	-	-	46.061.203	46.061.203
<i>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</i>	-	-	-	-
<i>d. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan</i>	-	-	-	-
Cộng	4.578.960.000	4.578.960.000	4.625.021.203	4.625.021.203



14. Thuế và các khoản phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm
<i>a. Phải nộp</i>				
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	93.057.846	3.823.133	93.057.846	3.823.133
- Thuế thu nhập cá nhân	11.626.046	10.258.979	14.031.457	7.853.568
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	51.794.557.672	51.794.557.672	-
- Thuế khác	-	29.951.767.452	29.951.767.452	-
Cộng	104.683.892	81.760.407.236	81.853.414.427	11.676.701
<i>b. Phải thu</i>				
- Thuế Giá trị gia tăng	247.015	-	-	247.015
Cộng	247.015	-	-	247.015

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊNA3.4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, phường
1, quận 4, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Số cuối năm	Số đầu năm
15. Chi phí phải trả		
a. Ngắn hạn	2.617.769.871	48.108.219
- Các khoản trích trước khác	2.617.769.871	48.108.219
+ <i>Chi phí lãi vay</i>	2.617.769.871	48.108.219
b. Dài hạn	-	-
- Các khoản khác	-	-
Cộng	2.617.769.871	48.108.219
16. Phải trả khác		
a. Ngắn hạn	399.949.296	614.186.071
- Kinh phí công đoàn	-	203.107.939
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	399.949.296	411.078.132
+ Tiền cổ tức phải trả	399.949.296	409.580.796
+ Phải trả phải nộp khác	-	1.497.336
b. Dài hạn	-	100.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	-	100.000.000
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Tổng	399.949.296	714.186.071

Ghi chú:(*) *Nhận ký quỹ của nhân viên thu cước.*

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Tổng cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	
Số dư đầu năm trước	156.176.320.000	-	(2.233.060.000)	4.855.476.391	94.830.030	158.893.566.421
- Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi năm trước	-	-	-	593.326.645	-	593.326.645
- Tăng khác năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ năm trước	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	156.176.320.000	-	(2.233.060.000)	5.448.803.036	94.830.030	159.486.893.066
Số dư đầu năm nay	156.176.320.000	-	(2.233.060.000)	5.448.803.036	94.830.030	159.486.893.066
- Tăng vốn năm nay	-	1.476.860.000	2.233.060.000	-	-	3.709.920.000
- Lãi năm nay	-	-	-	17.533.263	-	17.533.263
- Tăng khác năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lỗ năm nay	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác năm nay	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	156.176.320.000	1.476.860.000	-	5.466.336.299	94.830.030	163.214.346.329

<i>17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của công ty mẹ	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	156.176.320.000	156.176.320.000
Cộng	156.176.320.000	156.176.320.000

<i>17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	156.176.320.000	156.176.320.000
+ Vốn góp đầu năm	156.176.320.000	156.176.320.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	156.176.320.000	156.176.320.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

<i>17.4 Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký lưu hành	15.617.632	14.484.468
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.617.632	15.617.632
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.617.632	15.617.632
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	301.600
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	301.600
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.617.632	15.316.032
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.617.632	15.316.032
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

<i>17.5 Cổ tức</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

<i>17.6 Các quỹ của doanh nghiệp:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	94.830.030	94.830.030
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-



VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

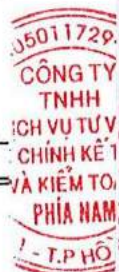
	ĐVT : VND	
	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	174.621.000	2.545.731.933
- <i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	<i>174.621.000</i>	<i>2.545.731.933</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	423.396.552	762.490.875
- <i>Doanh thu thu cước</i>	<i>423.396.552</i>	<i>762.490.875</i>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	230.000.000	435.364.003
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	<i>230.000.000</i>	<i>435.364.003</i>
Tổng	828.017.552	3.743.586.811
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
Tổng	-	-
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	130.585.392	2.965.007.971
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	47.000.000	432.194.982
+ <i>Giá vốn hợp đồng xây dựng</i>	<i>47.000.000</i>	<i>432.194.982</i>
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	413.271.613	740.997.900
+ <i>Giá vốn thu cước</i>	<i>413.271.613</i>	<i>740.997.900</i>
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(206.681.594)
Tổng	590.857.005	3.931.519.259
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.989.022	184.037.504
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	895.750.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	15.919
Tổng	9.989.022	1.079.803.423
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	-	103.932.878
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	-
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(608.163.440)
Tổng	-	(504.230.562)
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước

- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	500.000	-
- Các khoản khác - Công nợ không phải trả	215.061.203	-
Tổng	215.561.203	-
	Năm nay	Năm trước
7. Chi phí khác		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng	-	-
- Các khoản bị phạt	5.951.701	1.041.000
- Các khoản khác	-	-
Tổng	5.951.701	1.041.000
	Năm nay	Năm trước
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>391.367.067</i>	<i>541.694.671</i>
+ Chi phí nhân viên quản lý	-	-
+ Chi phí thuê nhà	-	-
+ Chi phí khấu hao	184.983.888	184.983.888
+ Các khoản chi phí khác	206.383.179	356.710.783
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<i>44.035.608</i>	<i>163.281.697</i>
+ Chi phí nhân viên bán hàng	43.051.726	134.155.387
+ Các khoản chi phí khác	983.882	29.126.310
	Năm nay	Năm trước
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	85.028.480
- Chi phí nhân công	504.107.289	384.200.529
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	184.983.888	184.983.888
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.898.644	146.862.012
- Chi phí khác bằng tiền	54.565.817	227.600.578
Tổng	888.555.638	1.028.675.487
	Năm nay	Năm trước
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.356.396	690.084.169
Các khoản điều chỉnh tăng	5.951.701	1.041.000
Tăng tiền phạt vi phạm hành chính	5.951.701	1.041.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế	27.308.097	691.125.169
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên	3.823.133	96.757.524
thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ kết quả	5.461.619	138.225.034
kinh doanh		
+ Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định	-	(41.467.510)
114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020		
+ Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định	(1.638.486)	-
92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021		

- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.823.133	96.757.524
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	17.533.263	593.326.645
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	17.533.263	593.326.645
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.549.875	15.316.032
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1	39
12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	17.533.263	593.326.645
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.549.875	15.316.032
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1	39

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**
 Trong năm 2021, Công ty Cổ Phần Viễn Liên không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng : không phát sinh**
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**
 - Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường : 75.800.000.000 VND
- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**
 - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường : - VND



VIII. Những thông tin khác**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****a. Những khoản nợ tiềm tàng**

Không phát sinh

b. Những thông tin tài chính khác

Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2021 ngày 26/12/2021 đã thông qua một số vấn đề sau với tỷ lệ tán thành 100%:

Thông qua việc không chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ, không trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi do lợi nhuận hoàn thành sau thuế trong năm đạt thấp.

Thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ vay thành cổ phiếu

- Mục đích phát hành:

Hoán đổi các khoản nợ nhằm tái cấu trúc tài chính và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được phát triển bền vững và ổn định.

- Tên cổ phiếu chào bán:

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Viễn Liên

- Mã cổ phiếu:

UNI

- Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng (mười nghìn đồng)

- Số lượng cổ phiếu phát hành

2.000.000 cổ phiếu (hai triệu cổ phiếu)

- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành

20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng) tính theo mệnh giá

- Đối tượng được phát hành:

Chủ nợ là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

- Hình thức phát hành:

Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ

- Tiêu chí lựa chọn đối tượng được phát hành: Chủ nợ phải đáp ứng được một trong những tiêu chí sau:

- + Có tiềm lực tài chính mạnh, hỗ trợ được cho Công ty về vốn;
- + Có năng lực chuyên môn, có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho Công ty trong quá trình phát triển;
- + Các cổ đông, đối tác khách hàng thân thiết có quan hệ hợp tác kinh doanh với UNI.

- Giá hoán đổi thỏa thuận:

40.000 đồng/cổ phiếu

- Tỷ lệ hoán đổi:

1:40.000 (40.000 đồng nợ gốc được hoán đổi thành 1 cổ phiếu)

- Đối tượng được phát hành:

Bà Nguyễn Thị Phương Thùy - Vợ ông Phạm Đình Dũng
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty. (Ông Phạm Đình Dũng không được tham gia bỏ phiếu biểu quyết)

- Hạn chế chuyển nhượng:

Thời hạn 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

- Thời gian thực hiện:

Ngay sau khi có báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021

Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT thực hiện sửa đổi Điều lệ Công ty cho phù hợp với các Nghị quyết ĐHCĐ đã thông qua, ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục có liên quan để sửa đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM theo quy định.



2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 08/02/2022, ông Phạm Đình Dũng, Nguyên Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Viễn Liên đã chuyển nhượng 925.612 cổ phiếu của Công ty CP Viễn Liên. Cổ phiếu còn nắm giữ sau chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.

Ngày 08/02/2022, Công ty CP Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông - Bên liên quan - đã chuyển nhượng 712.031 cổ phiếu của Công ty CP Viễn Liên. Cổ phiếu còn nắm giữ sau chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.

Ngày 08/02/2022, Bà Mai Thị Huyền Trân - Cổ đông lớn - đã chuyển nhượng 1.099.300 cổ phiếu của Công ty CP Viễn Liên. Cổ phiếu còn nắm giữ sau chuyển nhượng: 0 cổ phiếu, không còn là cổ đông lớn.

Ngày 08/02/2022, Bà Vũ Thị Như Mai - Tổng Giám đốc, đại diện Pháp luật của Công ty - đã mua 3.446.236 cổ phiếu của Công ty CP Viễn Liên, tỷ lệ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 22,07%, trở thành cổ đông lớn. Cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 0 cổ phiếu.

Ngày 08/02/2022, Bà Vũ Thị Kim Liên đã mua 925.612 cổ phiếu của Công ty CP Viễn Liên, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau giao dịch là 1.082.112 cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 6,93%, trở thành cổ đông lớn. Cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 156.500 cổ phiếu.

Tại Quyết định Hội đồng quản trị số 08/HĐQT-2022 ngày 08/02/2022 về việc "Chấp thuận giải quyết đơn từ chức và nghỉ việc, bổ nhiệm Tổng Giám đốc" của Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Viễn Liên. Chấp thuận theo đơn như sau:

- Ông Phạm Đình Dũng thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc và được nghỉ việc kể từ ngày 08/02/2022

- Bà Nguyễn Thị Nhân thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng và được nghỉ việc kể từ ngày 08/02/2022

Chấp thuận theo đơn xin từ nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 09/02/2022 và sẽ trình Đại Hội đồng cổ đông gần nhất để thông qua:

- Ông Nguyễn Cao Phong từ nhiệm, thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn Liên

- Bà Trần Thị Phương Lan từ nhiệm, thôi phụ trách Ban kiểm toán nội bộ Công ty.

Chấp thuận bổ nhiệm Bà Vũ Thị Như Mai làm Tổng Giám đốc Công ty và là người Đại diện trước pháp luật kể từ ngày 08/02/2022

Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho Ông Phạm Đình Dũng điều hành mọi hoạt động của Hội đồng quản trị kể từ ngày 09/02/2022 cho đến ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên gần nhất.

3. Thông tin về các bên liên quan

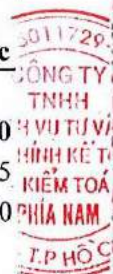
a. Các giao dịch chủ yếu đối với các bên có liên quan

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty CP Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông	Công ty góp vốn có Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Tổng giám đốc Công ty CP Viễn Liên	Lãi vay	350.136.985
		Chi cho Công ty CP Viễn Liên vay	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Người có liên quan của Tổng Giám đốc	Chi cho Công ty CP Viễn Liên vay	65.800.000.000
		Lãi vay	2.617.769.871
Ông Phạm Đình Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Sở hữu vốn tại Công ty CP Viễn Liên tương đương 5,92% vốn chủ sở hữu.	9.256.120.000

b. Các khoản nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2021 với các bên có liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư công nợ
Công ty CP Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông	Công ty góp vốn có Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Tổng giám đốc Công ty CP Viễn Liên	Phải trả người bán	429.179.464
		Nợ vay ngắn hạn	10.000.000.000
		Sở hữu vốn cổ phần của Công ty CP Viễn Liên	7.120.310.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Người có liên quan của Tổng Giám đốc	Nợ vay ngắn hạn	80.000.000.000
		Chi phí lãi vay phải trả	2.617.769.871

c. Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm nay	Năm trước
Thù lao hội đồng quản trị		-	-
Tiền lương của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng		457.500.000	498.227.150
Ông Phạm Đình Dũng	Tổng Giám đốc	324.000.000	375.106.975
Bà Nguyễn Thị Nhân	Kế toán trưởng	133.500.000	34.000.000



4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hiện có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: mua bán, dịch vụ, đại lý ký gửi, mua bán sản phẩm tin học, thiết bị đầu, cuối viễn thông.
- Lĩnh vực tư vấn, xây lắp: thiết kế, thi công công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten) ,...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: phân lô bán nền và dự án đầu tư xây dựng bán thành phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN LIÊN

A3.4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Kết quả kinh doanh tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực tư vấn xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	598.017.552	230.000.000	-	-	-	-	828.017.552
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	598.017.552	230.000.000	-	-	-	-	828.017.552
Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ	543.857.005	47.000.000	-	-	-	-	590.857.005
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	54.160.547	183.000.000	-	-	-	-	237.160.547
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	435.402.675
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	9.989.022	-	-	(198.242.128)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	9.989.022
Chi phí tài chính	-	-	-	-	215.561.203	-	215.561.203
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	5.951.701	5.951.701
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	3.823.133
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	17.533.263
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	86.974.719.361	-	-	-	86.974.719.361
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-	-	184.983.888
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

A3-4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, phường 1, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực tư vấn xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.308.222.808	435.364.003	-	-	-	-	3.743.586.811
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.308.222.808	435.364.003	-	-	-	-	3.743.586.811
Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.499.324.277	432.194.982	-	-	-	-	3.931.519.259
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(191.101.469)	3.169.021	-	-	-	-	(187.932.448)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	704.976.368
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	1.079.803.423	-	-	(892.908.816)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	(504.230.562)	-	-	1.079.803.423
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(504.230.562)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	1.041.000	1.041.000
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	96.757.524
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	593.326.645
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	39.233.002.806	-	-	-	39.233.002.806
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-	-	230.098.072
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN LIÊN
A3.4A.12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực tư vấn xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	87.866.908	407.990.368	255.109.025.053	-	-	-	255.604.882.329
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	6.072.255.589
Tổng tài sản							261.677.137.918
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	429.179.464	-	94.578.960.000	-	-	-	95.008.139.464
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	3.454.652.125
Tổng nợ phải trả							98.462.791.589
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	395.194.342	718.874.379	167.734.704.774	-	-	-	168.848.773.495
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	11.372.043.712
Tổng tài sản							180.220.817.207
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	558.679.102	391.483.463	18.825.021.203	-	-	-	19.775.183.768
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	958.740.373
Tổng nợ phải trả							20.733.924.141

33050117
CÔNG
TNHH
DỊCH VỤ TƯ
VẤN CHỈNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM TỐ
PHÍA NAM
- TP. HỒ

5. Thông tin về hoạt động liên tục

a/ Về tài chính:

- Tại ngày 31/12/2021 Tổng tài sản của Công ty lớn hơn Nợ phải trả là 163.214.346.329 đồng. Như vậy, Công ty không rơi vào tình trạng Nợ phải trả lớn hơn Tổng tài sản.
- Về Nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 95.131.896.732 VND. Như vậy, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty sẽ gặp khó khăn.
- Khả năng thanh toán các khoản nợ: Công ty có thể gặp khó khăn thanh toán các khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ theo các Hợp đồng vay. Công ty không có phụ thuộc quá nhiều các khoản vay ngắn hạn tài trợ cho các tài sản dài hạn.
- Các chủ nợ không có dấu hiệu ngừng hoặc thu hồi các hỗ trợ tài chính.
- Không có sự suy giảm lớn về giá trị của các tài sản.
- Các dấu hiệu về tuân thủ hợp đồng tín dụng; chuyển đổi giao dịch từ mua chịu sang thanh toán ngay; không có khả năng tìm kiếm các nguồn tài trợ: Không có.

b/ Về hoạt động:

- Ban Giám đốc có ý định ngừng hoạt động hay giải thể Công ty: Không có.
- Thiếu thành phần lãnh đạo chủ chốt mà không được thay thế: Không có.
- Mất thị trường lớn, khách hàng quan trọng, mất quyền kinh doanh, nhượng quyền thương mại hoặc mất nhà cung cấp quan trọng: Không có. Tuy nhiên có sự sụt giảm về doanh thu bán hàng trong năm.
- Gặp khó khăn về lao động: Không có.
- Thiếu hụt vật tư đầu vào chủ yếu: Không có.
- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh mới thành công hơn: Không có.

c/ Các dấu hiệu khác:

- Không tuân thủ các quy định về góp vốn cũng như những quy định khác: Không có.
- Đơn vị đang bị kiện nếu thua đơn vị không có khả năng đáp ứng: Không có.
- Thay đổi về pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị: Không có.
- Xây ra các rủi ro, tổn thất mà không được bảo hiểm hoặc BH với giá trị thấp: Không có.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.



TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ NHÂN

NGUYỄN THỊ NHÂN

PHẠM ĐÌNH DŨNG

PHỤ LỤC 14

(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN LIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DANH MỤC NGÀNH NGHỀ THAY ĐỔI

Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của Đại hội đồng thường niên Công ty cổ phần Viễn Liên ngày 18/3/2022;

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Viễn Liên, Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc thay đổi ngành nghề của Công ty cụ thể như sau:

❖ Các ngành xóa ra khỏi danh sách ngành nghề của Công ty bao gồm:

Ngành Nghề	Mã ngành
Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông	4220
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten); - Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (trừ tư vấn tài chính, kế toán); - Tư vấn đấu thầu; - Thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình viễn thông và tin học; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, bưu chính viễn thông.	7110
Lắp đặt hệ thống điện	4321
Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp	4329
Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông; - Đại lý kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông.	4610
Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Mua bán hàng điện lạnh; - Buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành).	4649

PHỤ LỤC 14*(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)*

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: - Mua bán thiết bị đầu cuối viễn thông; - Mua bán cáp, thiết bị viễn thông.	4652
Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông	9512
Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị điện lạnh	9522
Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: Cung cấp dịch vụ internet (ISP)	6110

❖ Các ngành nghề bổ sung của Công ty bao gồm:

Ngành nghề	Mã ngành
Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý	7020
Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng	7320
Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội chợ triển lãm, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: trừ đấu giá tài sản	6820
Xây dựng nhà để ở	4101
Xây dựng nhà không để ở	4102
Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thi công trang trí nội, ngoại thất	7410
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229